VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhà chức trách hàng không;

Căn cứ Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay có hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

2. Các nội dung về quy hoạch và quản lý quy hoạch cảng hàng không, sân bay; quản lý, sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay; yêu cầu đối với hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay; quản lý xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình tại cảng hàng không, sân bay; đưa công trình vào khai thác, đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; quản lý, khai thác thiết bị hàng không và phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay; bảo đảm khai cảng hàng không, sân bay; phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại cảng hàng không,

---

[1] Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay."

sân bay; kinh doanh dịch vụ chuyên ngành hàng không tại cảng hàng không, sân bay được quy định tại Thông tư này không áp dụng đối với sân bay chuyên dùng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng tại các cảng hàng không, sân bay của Việt Nam.

Điều 3. Định nghĩa, thuật ngữ, chữ viết tắt

1. Điểm quy chiếu sân bay (Aerodrome Reference Point) là điểm đánh dấu vị trí địa lý của sân bay.

2. Khu bay (Airfield) là phần sân bay dùng cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và lăn, bao gồm cả khu cất hạ cánh và các sân đỗ tàu bay.

3. Sân đỗ tàu bay (Apron) là khu vực được xác định trong sân bay dành cho tàu bay đỗ để phục vụ hành khách lên, xuống; xếp, dỡ hành lý, bưu gửi, hàng hóa; tiếp nhiên liệu; cung ứng suất ăn; phục vụ kỹ thuật hoặc bảo dưỡng tàu bay.

4. Đường cất hạ cánh (Runway) là một khu vực hình chữ nhật được xác định trên mặt đất tại khu bay dùng cho tàu bay cất cánh và hạ cánh.

5. Vị trí chờ lên đường cất hạ cánh (Runway - Holding position) là vị trí được lựa chọn trên đường lăn hoặc khu vực tới hạn của hệ thống thiết bị ILS/MLS mà ở đó tàu bay và phương tiện đang vận hành phải dừng lại chờ huấn lệnh của kiểm soát viên không lưu cho phép lăn tiếp, nhằm mục đích đảm bảo an toàn khai thác cho đường cất hạ cánh, không ảnh hưởng đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật (OLS).

6. Lề đường (Shoulder) là khu vực tiếp giáp với mép mặt đường được chuẩn bị tốt nhằm đảm bảo chuyển tiếp êm thuận giữa mặt đường và bề mặt tiếp giáp.

7. Khu vực an toàn tại vị trí đỗ tàu bay (Aircraft Safety Area on the Parking) là khu vực hạn chế nằm trong ranh giới có đường kẻ màu đỏ xung quanh vị trí đỗ của tàu bay.

8. Phương tiện chuyên ngành hàng không là phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế, đường giao thông nội bộ trong cảng hàng không, phục vụ trực tiếp cho hoạt động của cảng hàng không, sân bay.

9. Đường giao thông nội bộ trong sân bay là đường để các phương tiện di chuyển trong khu bay, không bao gồm tàu bay.

10. Đường giao thông nội bộ trong cảng hàng không là đường giao thông trong ranh giới cảng hàng không, không bao gồm đường giao thông do địa phương quản lý và đường giao thông nội bộ trong sân bay.

11. Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm tài liệu khai thác sân bay và tài liệu khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

12. Người khai thác công trình là tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thuộc cảng hàng không, sân bay.

13. Các chữ viết tắt

ACN (Aircraft Classification Number): chỉ số phân cấp của tàu bay.

AIP (Aeronautical Information Publication): tập thông báo tin tức hàng không.

ASDA (Accelerate - Stop Distance Available): cự ly có thể dừng khẩn cấp.

IATA (International Air Transport Association): Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế.

ICAO (International Civil Aviation Organization): Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

ILS (Instrument Landing System): hệ thống hạ cánh, bằng thiết bị.

LDA (Landing Distance Available): cự ly có thể hạ cánh.

MLS (Microwave Landing System): hệ thống hạ cánh bằng sóng ngắn.

PCN (Pavement Classification Number): chỉ số phân cấp mặt đường.

TODA (Take - Off Distance Available): cự ly có thể cất cánh.

TORA (Take - Off Run Available): cự ly chạy đà cất cánh.

WGS (World Geodetic System): hệ thống đo đạc toàn cầu.

Chương II
QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 4. Lập và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc

1. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc bao gồm:

a) Căn cứ pháp lý và sự cần thiết;

b) Luận cứ, cơ sở hình thành phạm vi, mục tiêu, định hướng phát triển và thời hạn quy hoạch;

c) Khái quát dự báo nhu cầu vận chuyển hàng không, nhu cầu phát triển của các ngành có liên quan, kinh, tế xã hội của cả nước;

d) Các yêu cầu trong thu thập số liệu, phân tích, đánh giá hiện trạng và định hướng phát triển giao thông vận tải lĩnh vực hàng không dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược;

đ) Xác định các chỉ tiêu phát triển, chức năng của từng cảng hàng không; các yêu cầu cụ thể về quy hoạch mạng đường bay, đội tàu bay, quản lý bảo đảm hoạt động bay, công nghiệp hàng không, nguồn lực và cơ sở đào tạo, doanh nghiệp hàng không cùng các tiềm năng, động lực phát triển theo từng giai đoạn;

e) Xác định danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm;

g) Xác định giải pháp, tiến độ và tổ chức thực hiện;

h) Xác định dự toán, nguồn kinh phí lập quy hoạch.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức lập và trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc.

Điều 5. Lập và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay

1. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Luận cứ, phạm vi, ranh giới lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay, cơ sở căn cứ lập quy hoạch; xác định mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch;

b) Xác định tính chất, vai trò cảng hàng không, sân bay. Dự báo sơ bộ tính chất, quy mô cảng hàng không, sân bay cùng các chỉ tiêu cơ bản về đất đai và hạ tầng kỹ thuật;

c) Xác định yêu cầu và khảo sát, đánh giá hiện trạng, điều kiện tự nhiên, điều kiện địa hình của khu vực để lựa chọn hướng đường cất hạ cánh và xây dựng phương thức bay;

d) Xác định yêu cầu, phạm vi, khối lượng khảo sát địa hình, khối lượng khảo sát địa chất khu vực dự kiến quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay;

đ) Yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược và các yêu cầu khác phù hợp với mục tiêu phát triển đặc thù của khu vực;

e) Xác định danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm, tiến độ và tổ chức thực hiện;

g) Xác định tổng dự toán, nguồn kinh phí lập quy hoạch.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức lập và trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay.

Điều 6. Lập và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng cảng hàng không, sân bay

1. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu chức năng cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Xác định ranh giới, diện tích khu vực lập hoặc điều chỉnh quy hoạch chi tiết; chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật;

b) Nguyên tắc cơ bản đối với việc phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng; yêu cầu về chiều cao tối đa được phép xây dựng công trình; yêu cầu tổ chức không gian kiến trúc cảnh, quan, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo phù hợp với quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay;

c) Xác định danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm; tiến độ và tổ chức thực hiện;

d) Xác định tổng dự toán, nguồn kinh phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng cảng hàng không, sân bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng cảng hàng không, sân bay.

Điều 7. Sử dụng nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Nguồn tài trợ kinh phí lập quy hoạch cảng hàng không, sân bay từ tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước là nguồn tài trợ tự nguyện không hoàn lại bằng tiền.

2. Căn cứ nhu cầu lập quy hoạch và khả năng đáp ứng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, Cục Hàng không Việt Nam công bố danh mục quy hoạch cảng hàng không, sân bay có nhu cầu sử dụng nguồn tài trợ kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để lập quy hoạch.

3. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ đối với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay, quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng cảng hàng không, sân bay theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 8. Thủ tục lập, điều chỉnh, trình quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc trình Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

b) Hồ sơ quy hoạch, bao gồm thuyết minh quy hoạch, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và các bản vẽ có liên quan;

c) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

d) Văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

đ) Số lượng bộ hồ sơ: 15 bộ.

2. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Điều 9. Thủ tục lập, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay, trình Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị phê duyệt quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay bao gồm các tài liệu sau:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

b) Hồ sơ quy hoạch, bao gồm thuyết minh quy hoạch và các bản vẽ có liên quan;

c) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

d) Văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan;

đ) Số lượng bộ hồ sơ: 15 bộ.

2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan, tổ chức thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay.

Điều 10. Thủ tục lập, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng cảng hàng không, sân bay

1. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức lập, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng cảng hàng không, sân bay.

2. Hồ sơ phê duyệt quy hoạch bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch;

b) Hồ sơ quy hoạch, bao gồm thuyết minh quy hoạch và các bản vẽ có liên quan;

c) Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

d) Văn bản giải trình các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 11. Công bố công khai quy hoạch cảng hàng không, sân bay

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, quy hoạch cảng hàng không, sân bay phải được công bố công khai.

2. Bộ Giao thông vận tải tổ chức công bố quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc; chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức công bố quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật.

3. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức công bố quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng cảng hàng không, sân bay tại cảng hàng không, sân bay theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm quản lý quy hoạch của Cục Hàng không Việt Nam

1. Giám sát việc thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

2. Cung cấp thông tin quy hoạch cho tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

3.[2] Báo cáo Bộ Giao thông vận tải tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay hàng năm hoặc khi được Bộ Giao thông vận tải yêu cầu Báo cáo Bộ Giao thông vận tải tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay hàng năm hoặc khi được Bộ Giao thông vận tải yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất báo cáo: định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Trách nhiệm quản lý quy hoạch của Cảng vụ hàng không

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay.

2. Cung cấp thông tin quy hoạch cho tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

3. Phối hợp với chính quyền địa phương quản lý mốc giới, ranh giới cảng hàng không, sân bay theo quy hoạch được duyệt.

4.[3] Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay hàng năm hoặc khi được Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu, chi tiết báo cáo như sau:

a) Tên báo cáo: báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay;

b) Nội dung báo cáo: các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện quy hoạch các cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;

d) Tần suất báo cáo: định kỳ hàng năm;

đ) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 18 tháng 12 hàng năm;

e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

g) Mẫu đề cương báo cáo: theo quy định tại Mẫu số 15 của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Chương III
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 14. Xác định ranh giới đất

1. Đất tại cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Đất thuộc khu vực sử dụng riêng cho hoạt động dân dụng;

b) Đất thuộc khu vực sử dụng riêng cho hoạt động quân sự;

c) Đất thuộc khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự do quân sự quản lý;

d) Đất thuộc khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự do dân dụng quản lý.

2. Căn cứ quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam chủ trì, phối hợp với Quân chủng Phòng không Không quân và các đơn vị có liên quan xác định ranh giới đất thuộc khu vực sử dụng riêng cho hoạt động dân dụng, đất thuộc khu vực sử dụng chung cho hoạt động dân dụng và quân sự do dân dụng quản lý; báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng để thống nhất và phê duyệt theo quy định.

3. Cảng vụ hàng không thực hiện việc cắm mốc giới theo ranh giới đất cảng hàng không, sân bay thuộc phạm vi quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 15. Xác định và đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

1. Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc, quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng đất để xây dựng cảng hàng không, sân bay, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để đăng ký với cơ quan có thẩm quyền lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, Cảng vụ hàng không xác định và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch để xây dựng, mở rộng cảng hàng không, sân bay và gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi có đất trước 06 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch tiếp theo sau khi đã có ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 16. Căn cứ giao đất, cho thuê đất

1. Quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nhu cầu sử dụng đất thể hiện trong dự án đầu tư, đơn đề nghị giao đất, thuê đất.

Điều 17. Thủ tục giao đất tại cảng hàng không sân bay[4]

1. Tổ chức có nhu cầu sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị giao đất trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ đề nghị giao đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị giao đất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

c)[5] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

d) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản lý do từ chối việc giao đất cho tổ chức đề nghị hoặc ban hành quyết định giao đất theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; tổ chức bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[4] Tên điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[5] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định giao đất, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm gửi quyết định giao đất, trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đến Cục Hàng không Việt Nam, Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 18. Thủ tục cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay[6]

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ đề nghị cho thuê đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị cho thuê đất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b)[7] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

d) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

---

[6] Tên điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

3.[8] Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định cho thuê đất theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; tiến hành bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; gửi quyết định cho thuê đất, hồ sơ đề nghị thuê đất của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương để đề nghị ban hành đơn giá thuê đất theo quy định.

4.[9] Sau thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn giá thuê đất, Cảng vụ hàng không ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm gửi quyết định cho thuê đất, trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất đến Cục Hàng không Việt Nam, Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 19. Cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất

1. Cảng vụ Hàng không có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

2. Cảng vụ hàng không phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; gửi quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, trích lục hoặc trích đo bản đồ địa chính khu đất đến Cục Hàng không Việt Nam, Văn phòng đăng ký đất đai nơi có đất để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; ký hợp đồng thuê đất đối với tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất

Điều 20. Gia hạn cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay[10]

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[10] Tên điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

1. Việc gia hạn thời gian thuê đất thực hiện trên cơ sở quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, cá nhân sử dụng đất.

2. Trước khi hết thời hạn thuê đất tối thiểu là 06 tháng, tổ chức, cá nhân sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn thời gian thuê đất;

b)[11] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất; chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật của năm gần nhất;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư mà có thay đổi thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);

d) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc gia hạn thời hạn của dự án đầu tư.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

4.[12] Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định gia hạn cho thuê đất theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; gửi quyết định gia hạn cho thuê đất, hồ sơ đề nghị thuê đất của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương để đề nghị ban hành đơn giá thuê đất theo quy định.

---

[11] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

5.[13] Sau thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đơn giá thuê đất, Cảng vụ hàng không ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định gia hạn thuê đất, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm gửi quyết định gia hạn thuê đất, đến Cục Hàng không Việt Nam, Văn phòng đăng ký đất đai nơi có đất để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 21. Thủ tục thu hồi đất do vi phạm pháp luật

1. Trường hợp vi phạm pháp luật mà phải thu hồi đất, khi hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm lập biên bản về vi phạm hành chính để làm căn cứ quyết định thu hồi đất.

Trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai không thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra lập biên bản xác định hành vi vi phạm để làm căn cứ quyết định thu hồi đất.

2. Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hành vi vi phạm, cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm gửi biên bản hành vi vi phạm đến Cảng vụ hàng không.

3. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản hành vi vi phạm, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm tra, xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết và ban hành quyết định thu hồi đất theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi đất, trích lục hoặc trích đo bản đồ địa chính khu đất thu hồi đến Cục Hàng không Việt Nam, Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

Điều 22. Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất

1. Cảng vụ hàng không thực hiện thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất khi:

a) Nhận được văn bản trả lại đất của tổ chức, cá nhân được Cảng vụ hàng không giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất nay chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất;

b) Nhận được quyết định giải thể, phá sản của cơ quan có thẩm quyền đối với tổ chức được Cảng vụ hàng không giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

c) Nhận được giấy chứng tử hoặc quyết định tuyên bố một người là đã chết theo quy định của pháp luật và văn bản xác nhận không có người thừa kế của cơ quan có thẩm quyền đối với cá nhân được Cảng vụ hàng không cho thuê đất.

2. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các văn bản quy định tại các khoản 1 của Điều này, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm thẩm tra và xác minh thực địa trong trường hợp cần thiết; ban hành quyết định thu hồi đất theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thu hồi đất, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi đất, trích lục hoặc trích đo bản đồ địa chính khu đất thu hồi đến Cục Hàng không Việt Nam, Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 23. Quản lý hồ sơ đất đai tại cảng hàng không, sân bay

1. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm quản lý toàn bộ hồ sơ đất đai cảng hàng không, sân bay.

2. Hồ sơ đất đai cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Quyết định giao đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động hàng không dân dụng tại cảng hàng không, sân bay được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp cho Cảng vụ hàng không;

b) Hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất của các tổ chức, cá nhân;

c) Các tài liệu khác có liên quan.

Chương IV
QUẢN LÝ KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
Mục 1. YÊU CẦU ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 24. Yêu cầu chung

1. Cảng hàng không, sân bay, công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay được thiết kế, khai thác theo tiêu chuẩn của ICAO, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và quy định của Thông tư này.

2. Cảng hàng không, sân bay phải có tài liệu khai thác sân bay, tài liệu khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay được phê duyệt, ban hành theo quy định.

3. Công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay phải được kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất và bảo trì để đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn khai thác, tài liệu khai thác đã được ban hành.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không và chất lượng dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; ban hành và tổ chức thực hiện tài liệu khai thác sân bay.

5. Người khai thác công trình chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác công trình thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không và chất lượng dịch vụ đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; ban hành và tổ chức thực hiện tài liệu khai thác công trình.

6. Cảng vụ hàng không lập phương án, phân định trách nhiệm xây dựng, quản lý chung hàng rào ranh giới đất cảng hàng không, sân bay; giao trách nhiệm xây dựng, quản lý hàng rào ranh giới đất thuộc phạm vi quản lý của các đơn vị, doanh nghiệp tại cảng hàng không, sân bay.

7. Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không có trách nhiệm xây dựng, lưu trữ, cập nhật hệ thống tài liệu kỹ thuật phục vụ việc cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay và hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định của ICAO, tiêu chuẩn nước ngoài do Cục Hàng không Việt Nam công nhận hoặc áp dụng liên quan tới việc thiết kế, vận hành, bảo trì kết cấu hạ tầng sân bay.

8. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm rà soát, đánh giá, triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn khai thác sân bay và thông báo cho ICAO sự khác biệt giữa các quy định của pháp luật Việt Nam và tiêu chuẩn của ICAO.

Điều 25. Yêu cầu đối với kết cấu hạ tầng sân bay

1. Kết cấu hạ tầng sân bay được khai thác chung cho hoạt động của sân bay, trừ sân đỗ tàu bay được giao đồng bộ cho cơ sở bảo dưỡng tàu bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng kết cấu hạ tầng sân bay thuộc phạm vi được giao quản lý, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, tài liệu khai thác sân bay.

3. Việc khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay phải tuân thủ các thông số kỹ thuật đã được công bố và các quy định về an toàn khai thác. Cục Hàng không Việt Nam ban hành hướng dẫn thực hiện các quy định về an toàn khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay.

4. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay chủ trì, phối hợp với người khai thác cảng hàng không, sân bay để lập phương án vận hành tàu bay trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay.

Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay lập phương án vận hành tàu bay trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay; cập nhật vào tài liệu khai thác sân bay, trừ trường hợp áp dụng tạm thời trong giai đoạn cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình liên quan.

5. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm xác định, xác định lại các thông số kỹ thuật chính của đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay khi có sự thay đổi; báo cáo Cục Hàng không Việt Nam.

Cục Hàng không Việt Nam công bố trên Tập thông báo tin tức hàng không các thông số kỹ thuật chính của cảng hàng không, sân bay theo tiêu chuẩn của ICAO.

6. Các thông số kỹ thuật chính của đường cất hạ cánh bao gồm:

a) Ký hiệu đường cất hạ cánh;

b) Chiều dài, chiều rộng đường cất hạ cánh;

c) Chiều dài, chiều rộng lề đường cất hạ cánh;

d) Dải bay, khu vực bảo hiểm 2 đầu cất hạ cánh, đoạn dừng và khoảng trống đầu đường cất hạ cánh;

đ) Tọa độ ngưỡng đường CHC (theo tọa độ WGS-84);

e) Độ dốc dọc đường cất hạ cánh;

g) Độ dốc ngang đường cất hạ cánh;

h) Sức chịu tải của đường cất hạ cánh;

i) Loại tầng phủ bề mặt đường cất hạ cánh, lề đường cất hạ cánh;

k) Hệ số ma sát;

l) Các cự ly công bố: TORA, TODA, ASDA, LDA.

7. Các thông số kỹ thuật chính của đường lăn bao gồm:

a) Ký hiệu đường lăn;

b) Chiều dài, chiều rộng đường lăn;

c) Chiều dài, chiều rộng lề đường lăn;

d) Độ dốc dọc đường lăn;

đ) Độ dốc ngang đường lăn;

e) Sức chịu tải của đường lăn;

g) Loại tầng phủ bề mặt của đường lăn;

h) Dải lăn.

8. Phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay bao gồm:

a) Phương án vận hành tàu bay từ đường cất hạ cánh, đường lăn vào sân đỗ và ngược lại;

b) Sơ đồ sơn kẻ bố trí mặt bằng khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và vị trí đỗ tàu bay;

c) Tọa độ vị trí đỗ tàu bay, vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất (theo tọa độ WGS-84);

d) Loại tàu bay khai thác đối với từng vị trí đỗ;

đ) Quy trình khai thác, phương án cung cấp dịch vụ đối với từng vị trí đỗ.

9. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo đường lăn, sân đỗ tàu bay có đầy đủ sơn tín hiệu, biển báo hoặc đèn chỉ dẫn cho tàu bay tự vận hành lăn an toàn vào vị trí đỗ theo tiêu chuẩn; chỉ cung cấp dịch vụ xe dẫn đường tàu bay (follow-me) theo yêu cầu của người khai thác tàu bay. Đối với cảng hàng không, sân bay chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn cho việc tàu bay tự di chuyển an toàn vào vị trí đỗ, người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm cung cấp miễn phí dịch vụ xe dẫn đường tàu bay để dẫn dắt tàu bay vào vị trí đỗ; báo cáo Cục Hàng không Việt Nam kế hoạch khắc phục cơ sở hạ tầng của sân bay.

10. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải đánh giá các ảnh hưởng đối với an toàn khai thác khi có sự thay đổi các thông số kỹ thuật và phương án khai thác của kết cấu hạ tầng sân bay.

11. Người và phương tiện chỉ được vào khu bay để thực hiện nhiệm vụ và phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Tuân thủ tuyệt đối các quy định về công tác bảo đảm an ninh, an toàn tại cảng hàng không, sân bay;

b) Giữ liên lạc thường xuyên, thông suốt bằng bộ đàm với đài kiểm soát không lưu và đài kiểm soát mặt đất, tuyệt đối tuân thủ huấn lệnh của kiểm soát viên không lưu;

c) Mặc áo phản quang hoặc áo có gắn dải phản quang;

d) Giữ khoảng cách an toàn tối thiểu với tàu bay theo tiêu chuẩn của ICAO theo cấp sân bay khi có tàu bay hoạt động.

12. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải xây dựng, lắp đặt hệ thống biển báo, đèn, biển chỉ dẫn, sơn kẻ tín hiệu, biển cấm đối với hạ tầng sân bay nhằm hướng dẫn, bảo đảm an toàn khai thác; thực hiện các biện pháp chống sự xâm nhập uy hiếp an toàn vào đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ; thiết lập các khu vực chờ tại đường ngang giao giữa đường lăn và đường cất hạ cánh, các vị trí chờ dự bị và vị trí chờ trên đường nội bộ; đánh giá rủi ro để bảo đảm khu vực xung quanh đường cất hạ cánh được an toàn trong trường hợp tàu bay chạy quá đà hoặc hạ cánh quá khu vực tiếp đất.

13. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải bố trí tối thiểu 01 vị trí đỗ tàu bay cách ly phục vụ cho các tình huống khẩn nguy sân bay, chống dịch bệnh lây lan hoặc trong các tình huống bảo đảm an ninh hàng không, an ninh quốc phòng. Vị trí đỗ tàu bay cách ly phải bố trí cách xa các vị trí đỗ tàu bay khác, nhà cửa hoặc các công trình công cộng khác, đảm bảo thuận lợi cho công tác an ninh, an toàn, phòng cháy chữa cháy và xử lý nghiệp vụ. Không bố trí vị trí đỗ tàu bay cách ly phía trên các công trình, ngầm như bể chứa nhiên liệu tàu bay, hệ thống đường ống cung cấp nhiên liệu cho tàu bay, tuyến cáp điện lực hoặc cáp thông tin.

14. Khu vực bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay phải được bố trí biệt lập so với nhà ga hành khách, hàng hóa để giảm tối đa ảnh hưởng đến nhà ga hành khách, hàng hóa do tiếng ồn, luồng khí thải, nhiên liệu gây ra; phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, dầu thải và các chất thải độc hại khác đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

15. Dải, lề bảo hiểm bao gồm dải bảo hiểm 2 đầu cất hạ cánh, dải bảo hiểm sườn và các dải, lề bảo hiểm khác phải tuân thủ theo tiêu chuẩn của ICAO và các quy định sau:

a) Đảm bảo độ chặt, độ bằng phẳng; cỏ trên dải, lề bảo hiểm phải được duy trì không cao quá 30 cm;

b) Việc lắp đặt các thiết bị phụ trợ dẫn đường trong phạm vi dải, lề bảo hiểm phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý chướng ngại vật hàng không và Phụ lục 14 của Công ước Chicago.

16. Việc khai thác tàu bay tại cảng hàng không, sân bay phải phù hợp với sức chịu tải đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay đã được công bố. Trong từng điều kiện khai thác cụ thể, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định tiêu chuẩn áp dụng đối với việc khai thác tàu bay có chỉ số ACN lớn hơn chỉ số PCN của đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ.

17. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm đo sức chịu tải đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, tẩy vệt cao su đường cất hạ cánh; đo hệ số ma sát bề mặt đường cất hạ cánh trong trường hợp xây mới, nâng cấp; đo định kỳ hoặc đột xuất hệ số ma sát của đường cất hạ cánh theo hướng dẫn của Cục Hàng không Việt Nam để đảm bảo hệ số ma sát tối thiểu cho phép của đường cất hạ cánh. Sức chịu tải đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và hệ số ma sát bề mặt đường cất hạ cánh được công bố trong Tập thông báo tin tức hàng không, tài liệu khai thác sân bay. Trong trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn khai thác, Cục Hàng không Việt Nam chỉ định đơn vị có đủ năng lực và tư cách pháp nhân thực hiện đo sức chịu tải, hệ số ma sát; chi phí đo do người khai thác cảng hàng không, sân bay đảm bảo.

18. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm kiểm tra thường xuyên tình trạng mặt đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay nhằm loại bỏ các vật ngoại lai; xác định, công bố tình trạng ngập nước ảnh hưởng đến hoạt động khai thác tại khu bay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay để điều hành an toàn hoạt động bay, khai thác mặt đất theo quy định.

19. Người khai thác cảng hàng không, sân bay thực hiện các biện pháp nhằm ngăn ngừa tàu bay di chuyển vào các đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ đang đóng cửa.

Điều 26. Yêu cầu đối với giao thông trong cảng hàng không, sân bay[14]

1. Đường giao thông trong cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Đường giao thông nội bộ trong sân bay;

b) Đường giao thông nội bộ trong cảng hàng không.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xây dựng, bảo trì, sửa chữa đường giao thông nội bộ trong sân bay và đường giao thông nội bộ trong cảng hàng không.

3. Giao thông trong sân bay tuân thủ theo tài liệu khai thác sân bay.

Điều 27. Yêu cầu đối với nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa

1. Nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa phải có các khu vực làm thủ tục cần thiết theo quy trình phục vụ hành khách, hàng hóa; khu làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan; khu vực dành cho khách không đủ điều kiện nhập cảnh đối với cảng hàng không quốc tế; khu vực thủ tục hành lý thất lạc; khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận; khu vực chung để giải quyết khiếu nại giữa hành khách với hãng hàng không và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; quầy hoặc thiết bị hướng dẫn thông tin chung cho hành khách; khu vực trợ giúp y tế, sơ cứu ban đầu đối với hành khách; khu vực cách ly y tế để ứng phó tình huống khẩn nguy y tế; khu vực và thiết bị phục vụ hành khách cần sự trợ giúp đặc biệt.

2. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga phải duy trì, đảm bảo các điều kiện vệ sinh tối thiểu như sau:

a) Nhà ga phải được bảo đảm vệ sinh, sạch sẽ, khô ráo, có các biển cảnh báo bảo đảm an toàn;

b) Các khu vệ sinh của nhà ga hành khách phải có bảng ghi tên người trực và dọn vệ sinh, thời gian, nội dung công việc được thực hiện.

3. Hệ thống biển báo trong nhà ga phải được lắp đặt đầy đủ, rõ ràng ở các vị trí làm thủ tục cho hành khách, hàng hóa, khu vực xử lý hành lý, hàng hóa và các khu vực cần thiết khác theo quy định.

---

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

4. Tại các khu vực cải tạo, sửa chữa trong khu vực nhà ga phải có vách ngăn và các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh, vệ sinh môi trường và biển thông báo về việc cải tạo, sửa chữa.

5. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, hàng hóa phải có phương án phòng chống cháy nổ, tổ chức huấn luyện, diễn tập, kiểm tra định kỳ phòng chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

6. Quy trình bảo trì, kế hoạch bảo trì các hạng mục trong nhà ga phải được phê duyệt và thực hiện theo kế hoạch bảo trì được duyệt.

7. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách, hàng hóa ban hành, tổ chức phổ biến và giám sát việc tuân thủ tài liệu khai thác nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa.

8. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách bố trí vị trí để quảng bá văn hóa đặc sắc của Việt Nam phù hợp với điều kiện cụ thể của từng cảng hàng không.

9. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách lựa chọn các hãng taxi được nhượng quyền khai thác tại nhà ga theo nguyên tắc đảm bảo tính cạnh tranh, minh bạch; thông báo công khai trong nhà ga về hãng taxi được nhượng quyền, giá vận chuyển taxi; đảm bảo năng lực phục vụ taxi đáp ứng nhu cầu thực tế của nhà ga; bảo đảm văn minh, lịch sự, an ninh trật tự đối với hoạt động khai thác taxi; ban hành quy chế kiểm soát khai thác xe taxi, có biện pháp xử lý cụ thể đối với hãng taxi, lái xe taxi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy chế kiểm soát theo thỏa thuận đã được ký kết; tổ chức quầy điều phối và lập phương án khai thác đảm bảo an toàn, trật tự, không gây ùn tắc tại khu vực taxi hoạt động; đảm bảo số lượng xe taxi tối thiểu được nhượng quyền khai thác đáp ứng nhu cầu sản lượng hành khách thông qua theo khung giờ khai thác.

Điều 28. Yêu cầu đối với hạ tầng cung cấp nhiên liệu tàu bay

1. Các hạng mục của hạ tầng cung cấp nhiên liệu tàu bay bao gồm: kho, bồn chứa nhiên liệu; trạm tiếp nạp, cấp phát nhiên liệu; hệ thống đường ống cung cấp nhiên liệu.

2. Các kho xăng dầu, bồn chứa, trạm tiếp nạp, hệ thống đường ống phải được thiết kế theo tiêu chuẩn được áp dụng, có khoảng cách an toàn theo quy định của pháp luật về bảo vệ an toàn các công trình xăng dầu, an toàn phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

3. Doanh nghiệp được phép cung cấp nhiên liệu tàu bay tại cảng hàng không, sân bay phải xây dựng phương án cung cấp nhiên liệu, sơ đồ bố trí vị trí bồn chứa, trạm tiếp nạp, hệ thống đường ống cung cấp nhiên liệu tàu bay (nếu có).

Điều 29. Yêu cầu đối với hệ thống cấp điện

1. Các công trình, thiết bị hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải được duy trì nguồn cung cấp điện thường xuyên, dự phòng theo đúng tài liệu khai thác công trình, thiết bị.

2. Thời gian chuyển đổi từ hệ thống điện sử dụng thường xuyên sang hệ thống điện dự phòng phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định cho từng hạng mục, từng thiết bị tại cảng hàng không, sân bay.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm lập kế hoạch xây dựng, bảo trì hệ thống cấp điện chung của cảng hàng không, sân bay theo quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay được phê duyệt; các cơ quan, đơn vị sử dụng phải trả chi phí bảo trì chung cho người khai thác cảng hàng không, sân bay theo thỏa thuận.

4. Căn cứ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng được phê duyệt, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chuyên ngành hàng không được quyền thiết lập hệ thống cấp điện riêng của doanh nghiệp.

Điều 30. Yêu cầu đối với hệ thống cấp, thoát nước

1. Người khai thác công trình tổ chức kiểm tra và đảm bảo chất lượng nước sử dụng được cấp trong phạm vi công trình do mình quản lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

2. Hệ thống thoát nước khu bay phải được kết nối thông suốt với hệ thống thoát nước tổng thể cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận; có phương án thoát nước với lượng mưa cao nhất dự báo có thể xảy ra.

3. Nước thải phải được thu gom và xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải xây dựng hệ thống bảo vệ, quy trình cụ thể chống đột nhập qua hệ thống thoát nước; chịu trách nhiệm xây dựng, bảo trì, sửa chữa hệ thống cấp nước, thoát nước chung cảng hàng không, sân bay theo quy hoạch chi tiết cảng hàng không, sân bay được phê duyệt; các cơ quan, đơn vị sử dụng phải trả chi phí bảo trì chung cho người khai thác cảng hàng không, sân bay theo thỏa thuận.

5. Trường hợp hệ thống cấp nước, thoát nước phục vụ chủ yếu cho một số đơn vị, doanh nghiệp, Cảng vụ hàng không chỉ định doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm xây dựng, bảo trì, sửa chữa hệ thống cấp nước, thoát nước và phân bổ chi phí thực hiện.

Điều 31. Yêu cầu đối với hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không

1. Tiêu chuẩn đối với hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không thực hiện theo các quy định của pháp luật về an ninh hàng không.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý khai thác các công trình sau:

a) Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không, khẩn nguy sân bay;

b) Công trình hàng rào bảo đảm an ninh hàng không của khu bay.

Điều 32. Yêu cầu đối với hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng sân bay đáp ứng quy định, về công tác phòng chống cháy nổ và khẩn nguy sân bay, cụ thể:

a) Có nhà tập kết xe cứu hỏa, kho tàng, vật tư, dụng cụ, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ theo tiêu chuẩn áp dụng; vị trí khu vực tập kết xe cứu hỏa phải được bố trí trong khu vực hạn chế, có đường giao thông thuận lợi bảo đảm tiếp cận nhanh chóng đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ, phù hợp với các phương án khẩn nguy sân bay;

b) Bảo đảm số lượng xe cứu hỏa, dung tích nước, khối lượng chất foam, bột phù hợp với cấp cứu hỏa sân bay được duyệt;

c) Thiết lập trung tâm hiệp đồng khẩn nguy sân bay, trạm báo động khẩn nguy đảm bảo đầy đủ nhân lực, các phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống tài liệu, các phương án xử lý các tình huống khẩn nguy để thực hiện nhiệm vụ trực và ứng phó với mọi tình huống khẩn nguy;

d) Thiết lập hệ thống đường công vụ phục vụ cho công tác khẩn nguy sân bay đảm bảo các phương tiện tham gia công tác khẩn nguy nhanh chóng đến được các vị trí trong khu bay đáp ứng thời gian theo quy định.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay ban hành quy trình kiểm tra các hạng mục của kết cấu hạ tầng, thiết bị; duy trì vật tư, vật liệu, nước dự trữ phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 33. Yêu cầu đối với hệ thống chiếu sáng sân đỗ tàu bay, hàng rào an ninh hàng không

1. Hệ thống chiếu sáng sân đỗ tàu bay cung cấp đủ ánh sáng nhằm hỗ trợ cho phi công điều khiển tàu bay vào, ra khỏi các vị trí dừng đỗ tàu bay; cung cấp đủ

ánh sáng cho việc đón, trả hành khách, chất xếp, dỡ hành lý, hàng hóa ra khỏi tàu bay, tra nạp nhiên liệu và các dịch vụ khác liên quan đến tàu bay; đảm bảo an ninh của cảng hàng không, sân bay. Đèn chiếu sáng sân đỗ không được hướng trực tiếp vào đài kiểm soát không lưu, đài kiểm soát mặt đất, hướng tàu bay hạ cánh và lăn vào vị trí đỗ; trường hợp sân đỗ không có phương tiện chiếu sáng cố định thì phải có phương tiện chiếu sáng di động để chiếu sáng phục vụ tàu bay.

2. Hệ thống chiếu sáng hàng rào và các cổng ra vào phải bố trí hợp lý, độ sáng phải đủ để kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện và phát hiện đột nhập vào ban đêm nhưng không làm chói lóa gây khó khăn cho việc quan sát khi tuần tra của lực lượng chức năng và cho các hoạt động hàng không khác.

Điều 34. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay và giám sát viên chất lượng dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

1. Giám sát viên chất lượng dịch vụ hàng không, giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay trực thuộc Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không, được Cục Hàng không Việt Nam cấp thẻ giám sát viên để thực hiện nhiệm vụ.

2. Người được cấp thẻ giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Tốt nghiệp đại học thuộc chuyên ngành kỹ thuật, xây dựng hoặc pháp luật;

b) Có tối thiểu 05 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

c) Có khả năng thành thạo tiếng Anh (TOEIC 450 hoặc tương đương trở lên);

d) Có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện về tiêu chuẩn khai thác cảng hàng không, sân bay, công tác giám sát an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay do Cục Hàng không Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện cấp.

3. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay có các quyền hạn sau đây:

a) Giám sát, kiểm tra, điều tra, kiểm chứng đối với việc tuân thủ các quy định về an toàn khai thác tại cảng hàng không, sân bay;

b) Tiếp cận vào khu vực có hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay vào các thời điểm khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Yêu cầu tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu hoặc vật chứng có liên quan đến sự cố mất an toàn hàng không hoặc phục vụ điều tra vụ việc vi phạm;

d) Kiểm tra và sao chép các giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, nhật ký kỹ thuật, tài liệu hoặc hồ sơ liên quan đến việc quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

đ) Đình chỉ tạm thời hoạt động của nhân viên hàng không tại cảng hàng không, sân bay nhằm phòng ngừa, ngăn chặn khả năng uy hiếp an toàn hàng không, gây cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay, phục vụ điều tra sự cố; lập biên bản về vụ việc, sự cố xảy ra.

4. Giám sát viên chất lượng dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Tốt nghiệp đại học thuộc chuyên ngành kinh tế, kỹ thuật hoặc pháp luật;

b) Có tối thiểu 05 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc vận chuyển hàng không;

c) Có khả năng thành thạo tiếng Anh (TOEIC 450 hoặc tương đương trở lên);

d) Có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện về tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ hàng không, vận chuyển hàng không do Cục Hàng không Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện cấp.

5. Giám sát viên chất lượng dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay có các quyền hạn sau đây:

a) Giám sát, kiểm tra, kiểm chứng đối với việc thực hiện các quy định, về chất lượng dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

b) Tiếp cận vào khu vực có hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay vào các thời điểm khi thực hiện nhiệm vụ;

c) Yêu cầu tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu hoặc vật chứng có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ hàng không, vận chuyển hàng không tại cảng hàng không, sân bay hoặc phục vụ xác minh vụ việc vi phạm quy định của Thông tư này;

d) Kiểm tra và sao chép các giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, tài liệu hoặc hồ sơ liên quan đến việc cung cấp dịch vụ hàng không, vận chuyển hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

đ) Đình chỉ tạm thời hoạt động của nhân viên hàng không tại cảng hàng không, sân bay trong các trường hợp vi phạm nghiêm trọng các cam kết, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; lập biên bản về vụ việc.

6. Trong các trường hợp phát hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay làm ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn

khai thác, giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay và giám sát viên chất lượng dịch vụ hàng không báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam để thực hiện biện pháp khẩn cấp đình chỉ hoạt động khai thác, cung cấp dịch vụ của tổ chức, cá nhân xây dựng, khai thác công trình, cung cấp dịch vụ liên quan tại cảng hàng không, sân bay.

7. Giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay và giám sát viên chất lượng dịch vụ hàng không phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

8. Hồ sơ giám sát, kiểm tra, điều tra, kiểm chứng của giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay và giám sát viên chất lượng dịch vụ hàng không được lưu trữ tại Cục Hàng không Việt Nam và Cảng vụ hàng không trong 05 năm.

9. Tổ chức, cá nhân liên quan phải thực hiện nghiêm các quyết định, yêu cầu của giám sát viên khi thực hiện nhiệm vụ.

10. Cục Hàng không Việt Nam ban hành tài liệu hướng dẫn về quy trình, nội dung kiểm tra, giám sát của giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay và giám sát viên chất lượng dịch vụ hàng không.

Điều 35. Yêu cầu về báo cáo tai nạn, sự cố, vụ việc an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Phụ thuộc vào tính chất và mức độ uy hiếp an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay, tai nạn, sự cố, vụ việc an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay được phân loại như sau:

a) Tai nạn (mức A): tai nạn tàu bay xảy ra tại cảng hàng không, sân bay; sự cố gây ra chết người trong quá trình khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

b) Sự cố nghiêm trọng (mức B): sự cố tàu bay nghiêm trọng xảy ra tại cảng hàng không, sân bay; sự cố mất an toàn nghiêm trọng dẫn đến việc đóng cửa tạm thời đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay hoặc đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay; sự cố gây bị thương nặng cho người trong quá trình khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

c) Sự cố uy hiếp an toàn cao (mức C): sự cố gây hư hỏng kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay; gây hư hỏng phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong khu bay hoặc gây uy hiếp an toàn cho người, phương tiện hoạt động trên khu bay, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn khai thác tàu bay;

d) Sự cố nguy cơ uy hiếp an toàn (mức D): sự cố phương tiện va chạm với phương tiện, trang thiết bị hoặc với người; sự cố làm ảnh hưởng đến an toàn khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay;

đ) Vụ việc (mức E): các vụ việc không uy hiếp trực tiếp đến an toàn hàng không nhưng có ảnh hưởng đến quá trình cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

2. Báo cáo tai nạn, sự cố bao gồm: báo cáo ban đầu; báo cáo sơ bộ; báo cáo cuối cùng kèm kết quả giảng bình. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn cụ thể danh mục, trách nhiệm báo cáo, nội dung báo cáo tai nạn mức A, sự cố các mức B, C và D, vụ việc mức E.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức điều tra, xác minh, giảng bình sự cố mức B, mức C; chỉ đạo xử lý, khắc phục tai nạn, sự cố; ban hành khuyến cáo phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn, sự cố; báo cáo Bộ Giao thông vận tải về sự cố mức B bao gồm báo cáo ban đầu, báo cáo cuối cùng; báo cáo Bộ Giao thông vận tải về tai nạn mức A.

4. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm tổ chức điều tra, xác minh, giảng bình sự cố mức D; chỉ đạo xử lý, khắc phục sự cố; ban hành khuyến cáo phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn, sự cố; báo cáo Cục Hàng không Việt Nam về sự cố mức D bao gồm báo cáo ban đầu, báo cáo cuối cùng.

5. Cơ quan đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức giảng bình vụ việc mức E; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn, sự cố.

6. Tổ chức, cá nhân được khuyến khích và tạo điều kiện tự nguyện báo cáo vụ việc có nguy cơ gây mất an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay đến Cục Hàng không Việt Nam. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm bảo đảm:

a) Báo cáo tự nguyện và các phân tích tiếp theo được sử dụng dưới dạng hạn chế và không tiết lộ hoặc thể hiện thông tin liên quan đến người, tổ chức báo cáo trừ khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân báo cáo đồng ý tiết lộ;

b) Bảo mật các báo cáo tự nguyện, thông tin sử dụng từ các báo cáo tự nguyện không làm ảnh hưởng đến người, tổ chức báo cáo;

c) Thực hiện các biện pháp xử lý, kiểm tra, giám sát an toàn cần thiết xuất phát từ báo cáo tự nguyện.

Mục 2. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 36. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b)[15] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;

c) Bản sao quyết định, chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay;

d) Bản sao tài liệu xác nhận kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu theo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản.

2. Trong trường hợp cảng hàng không, sân bay đang xây dựng, chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm các tài liệu nêu tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau:

a) Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt;

---

[15] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

b) Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác;

c) Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

5. Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Thông tư này.

6. Việc đăng ký cảng hàng không, sân bay có hiệu lực kể từ thời điểm được Cục Hàng không Việt Nam ghi vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

7. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác theo Mẫu số 09 ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này đến Cục Hàng không Việt Nam.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét quyết định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

8. Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị thu hồi trong trường hợp không còn đáp ứng điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

Điều 37. Lập và quản lý Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm lập, cập nhật thông tin, quản lý sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay.

2. Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay được lập dưới dạng sổ giấy và sổ điện tử.

3. Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin sau đây:

a) Ngày vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay đối với từng loại đăng ký;

b) Giấy chứng nhận đã cấp với từng loại đăng ký: số, ngày cấp;

c) Tên, địa chỉ của chủ sở hữu hoặc người khai thác cảng hàng không, sân bay;

d) Tên cảng hàng không, sân bay;

đ) Vị trí, tọa độ điểm quy chiếu cảng hàng không, sân bay;

e) Cấp sân bay;

g) Mục đích khai thác;

h) Năng lực khai thác;

i) Quá trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng hàng không, sân bay.

Điều 38. Sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

1. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay phải cập nhật thông tin về những thay đổi của cảng hàng không, sân bay và đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay khi có sự thay đổi về:

a) Tên, địa chỉ của chủ sở hữu hoặc người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Tên cảng hàng không, sân bay;

c) Vị trí, tọa độ điểm quy chiếu cảng hàng không, sân bay;

d) Cấp sân bay;

đ) Mục đích khai thác;

e) Năng lực khai thác.

2. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định việc sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đã cấp hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối sửa đổi.

Điều 39. Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi, thu hồi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Tổ chức được giao quản lý, khai thác khu bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm các tài liệu sau:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu khai thác sân bay.

2.[16] Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay, bao gồm các nội dung sau:

a) Các yếu tố bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, tiêu chuẩn dịch vụ;

b) Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của sân bay theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc công nhận;

c) Danh mục không đáp ứng (nếu có);

d) Kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác.

3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

4. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay được sửa đổi trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi, chuyển đổi người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Thay đổi mục đích, năng lực khai thác của cảng hàng không, sân bay, cấp sân bay.

5. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện

---

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam, bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, kiểm tra đối chứng thực tế, phê duyệt sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

6. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

7. Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 51 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

Điều 39a. Thủ tục cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không[17]

1. Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Bản sao tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và danh sách nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

---

[17] Điều này bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

d) Bản chính văn bản xác nhận vốn;

đ) Phương án về trang bị, thiết bị và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản trả lời, hướng dẫn người đề nghị nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không được cấp lại trong trường hợp mất, hỏng hoặc thay đổi nội dung trong giấy phép.

4. Cá nhân, tổ chức gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).

5. Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

6. Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép; trường hợp không cấp lại Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

7. Giấy phép kinh doanh cảng hàng không bị hủy bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Cung cấp thông tin không trung thực trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép;

b) Không duy trì mức vốn tối thiểu liên tục trong quá trình hoạt động;

c) Vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật về an ninh, quốc phòng;

d) Chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của doanh nghiệp;

đ) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không, điều kiện kinh doanh, giá dịch vụ, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường;

e) Không bắt đầu khai thác cảng hàng không trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép.

8. Cục Hàng không Việt Nam ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép, nêu rõ lý do, thời điểm hủy bỏ hiệu lực của Giấy phép. Doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không phải chấm dứt ngay việc kinh doanh cảng hàng không theo quyết định đã được ban hành.

9. Cục Hàng không Việt Nam thông báo về việc cấp, cấp lại, hủy bỏ Giấy phép kinh doanh cảng hàng không cho Cảng vụ hàng không để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

Điều 40. Tài liệu khai thác sân bay

1. Tài liệu khai thác sân bay bao gồm các nội dung chính sau:

a) Mục đích, căn cứ xây dựng, điều kiện khai thác sân bay;

b) Hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của người khai thác cảng hàng không, sân bay; hệ thống nhân sự bảo đảm khai thác;

c) Thông tin chung về sân bay, bao gồm các sơ đồ về vị trí, mặt bằng tổng thể, phân khu chức năng, hệ thống thiết bị; tên, vị trí, tọa độ, độ cao so với mực nước biển và địa thế của sân bay, độ cao so với mực nước biển của ngưỡng đường cất hạ cánh; tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của người khai thác cảng hàng không, sân bay;

d) Phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay

đ) Thông số kỹ thuật kết cấu hạ tầng sân bay theo quy định tại Thông tư này;

e) Thông tin về hệ thống đèn, đài dẫn đường và các thiết bị phụ trợ dẫn đường, điều hành bay;

g) Sơ đồ bề mặt giới hạn chướng ngại vật sân bay; sơ đồ chướng ngại vật trong sân bay và vùng lân cận sân bay;

h) Thông tin về hệ thống thiết bị bảo trì khu bay; thiết bị di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển; thiết bị liên lạc gắn trên phương tiện khi di chuyển trên khu bay;

i) Sơ đồ vùng ảnh hưởng đến hoạt động bay của đèn laze, thiết bị chiếu sáng;

k) Quy trình vận hành khai thác và biện pháp đảm bảo an toàn khai thác trong khu bay;

l) Danh mục không đáp ứng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng, kèm theo báo cáo đánh giá rủi ro theo hướng dẫn tại tài liệu hệ thống quản lý an toàn sân bay; phương án, biện pháp giảm thiểu rủi ro và lộ trình khắc phục danh mục không đáp ứng;

m) Kế hoạch khẩn nguy sân bay; hệ thống quản lý an toàn sân bay; Chương trình an ninh hàng không; Chương trình an toàn đường cất hạ cánh; quy trình quản lý chim và động vật hoang dã;

n) Báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường cảng hàng không, sân bay đã được duyệt.

2.[18] Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay khi có các thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay, trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt;

b) Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;

c) Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, kiểm tra đối chứng thực tế nếu cần thiết, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

3. Căn cứ tiêu chuẩn của ICAO, Cục Hàng không Việt Nam ban hành hướng dẫn xây dựng tài liệu khai thác sân bay.

Điều 41. Hệ thống quản lý an toàn sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chịu trách nhiệm về điều phối chung, bảo đảm an toàn, liên tục, đồng bộ đối với hoạt động khai thác sân bay; bảo đảm đầy đủ số lượng nhân lực đáp ứng về trình độ kỹ thuật để bảo đảm hoạt động

---

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

khai thác bình thường của sân bay; thực hiện công tác quản lý chướng ngại vật hàng không tại cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay theo quy định.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải thiết lập và triển khai thực hiện hệ thống quản lý an toàn sân bay, bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Mục tiêu và chính sách an toàn khai thác sân bay;

b) Phạm vi áp dụng của hệ thống quản lý an toàn; cơ cấu tổ chức của hệ thống quản lý an toàn tại sân bay;

c) Biện pháp bảo đảm an toàn; quản lý nguy cơ rủi ro an toàn; hệ thống báo cáo về công tác an toàn;

d) Công tác huấn luyện, đào tạo, đào tạo lại về an toàn.

3. Hoạt động của mọi tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ theo hệ thống quản lý an toàn sân bay đã được phê duyệt.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay ban hành quy tắc, tổ chức phổ biến và giám sát việc tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn hàng không tại sân bay; phát hiện các vụ việc vi phạm và chuyển giao cho Cảng vụ hàng không xử lý theo quy định.

5. Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện hệ thống quản lý an toàn sân bay.

Điều 42. Danh mục không đáp ứng

1. Danh mục không đáp ứng bao gồm các công trình, các thiết bị được xây dựng, lắp đặt tại cảng hàng không, sân bay nhưng không đáp ứng được quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng, liên quan đến:

a) Yêu cầu đối với kết cấu hạ tầng sân bay;

b) Yêu cầu về quản lý chướng ngại vật hàng không.

2. Trong quá trình hoạt động, nếu phát hiện hoặc khi được khuyến cáo về các hạng mục công trình không đáp ứng theo tiêu chuẩn khai thác, người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm rà soát, đánh giá, cập nhật vào tài liệu khai thác sân bay và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để công bố theo quy định.

Điều 43. Hệ thống nhân sự bảo đảm khai thác của người khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo hệ thống nhân sự đầy đủ để đáp ứng các điều kiện khai thác thực tế và thực hiện được các quy định về an ninh, an toàn hàng không, chất lượng dịch vụ.

2. Hệ thống nhân sự chủ chốt của người khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm; giám đốc cảng hàng không, sân bay; vị trí phụ trách khai thác cảng hàng không, sân bay; vị trí phụ trách an toàn hàng không; vị trí phụ trách an ninh hàng không.

3. Danh sách nhân sự chủ chốt phải được nêu rõ trong tài liệu khai thác sân bay.

4. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách khai thác sân bay phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tốt nghiệp Đại học;

b) Có ít nhất 05 năm công tác liên tục đối với cảng hàng không quốc tế và 03 năm công tác liên tục đối với cảng hàng không, sân bay nội địa trong các lĩnh vực quản lý hoạt động bay, quản lý khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc an toàn hàng không;

c) Được đào tạo, huấn luyện về thiết kế và khai thác sân bay, quy trình cung cấp dịch vụ mặt đất phục vụ tàu bay.

5. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách an toàn hàng không phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản a, b khoản 4 Điều này;

b) Được đào tạo, huấn luyện về thiết kế và khai thác sân bay, hệ thống quản lý an toàn hàng không.

6. Người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách an ninh hàng không phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về an ninh hàng không.

Chương V
QUẢN LÝ XÂY DỰNG, CẢI TẠO, NÂNG CẤP, BẢO TRÌ, SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY; ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO KHAI THÁC; ĐÓNG TẠM THỜI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 44. Chấp thuận việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận đến Cục Hàng không Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

a) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình;

b) Bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị làm ngừng hoạt động của công trình, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không trên 24 giờ, trừ trường hợp đột xuất uy hiếp trực tiếp đến an toàn, an ninh hàng không cần thực hiện ngay;

c) Bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị được thực hiện trong thời gian không phục vụ chuyến bay theo kế hoạch bay liên tục từ 30 ngày trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận;

b) Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công;

c) Thỏa thuận phương án bảo đảm an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay với cơ quan, đơn vị liên quan.

3.[19] Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận và triển khai cho các cơ quan, đơn vị có liên quan đến an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị, có nêu rõ lý do.

4. Đối với việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa đưa vào khai thác công trình dùng chung dân dụng và quân sự, đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam thông báo cho Quân chủng Phòng không - Không quân để thống nhất các vấn đề liên quan đến hoạt động quân sự.

5. Trường hợp khai thác sân bay trong điều kiện tầm nhìn hạn chế theo quy định, không được phép thi công xây dựng, bảo trì các công trình gần hệ thống điện sân bay. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại sân bay có trách nhiệm thông báo việc khai thác sân bay trong điều kiện tầm nhìn hạn chế cho người phụ trách thi công công trình để dừng việc thi công.

6. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức kiểm tra, theo dõi tiến độ, chất lượng xây dựng công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

---

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

7. Việc bảo trì, sửa chữa công trình hoặc lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị của cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay phải thông báo trước cho Cảng vụ hàng không về kế hoạch, phương án thi công, phương án bảo đảm an toàn cho hoạt động tại cảng hàng không, sân bay và hoạt động bay trong các trường hợp sau:

a) Ngừng hoạt động của công trình, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không chưa đến 24 giờ;

b) Ngừng hoạt động của công trình, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không trên 24 giờ trong trường hợp đột xuất uy hiếp trực tiếp đến an toàn, an ninh hàng không cần thực hiện ngay;

c) Thực hiện trong thời gian không phục vụ chuyến bay theo kế hoạch bay liên tục dưới 30 ngày.

8. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm, kiểm tra đảm bảo việc tuân thủ phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường trong khu vực thi công, phương án bảo đảm an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay. Trường hợp phát hiện kế hoạch, phương án thi công, phương án khai thác không đảm bảo an toàn cho hoạt động tại cảng hàng không, sân bay và hoạt động bay, Cảng vụ hàng không yêu cầu chủ đầu tư tạm dừng việc thi công.

Điều 45. Đưa vào khai thác, đóng tạm thời công trình, một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình, vào khai thác bao gồm các thông tin: vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng; thời gian đưa vào sử dụng; các thông số kỹ thuật chính của hạng mục công trình; tuổi thọ công trình;

b) Bản sao hồ sơ liên quan đến việc nghiệm thu đưa công trình vào khai thác theo quy định của pháp luật;

c) Tài liệu khai thác công trình, cung cấp dịch vụ, bao gồm các nội dung sau: phương án khai thác, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không; sơ đồ mặt bằng hạ tầng cung cấp dịch vụ; quy trình bảo trì.

2. Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không,

sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Tờ trình xin phép đóng cửa tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: lý do đóng tạm thời; vị trí và phạm vi đóng tạm thời; thời gian đóng tạm thời;

b) Bản sao sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực đóng tạm thời;

c) Phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời;

d) Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.

3.[20] Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác, đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

4. Cảng vụ hàng không thực hiện việc kiểm tra đảm bảo việc tuân thủ phương án bảo đảm duy trì hoạt động, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.

Điều 46. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay để cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay.

b) Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền.

c) Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

---

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay:

a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

Điều 47. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay khi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi

1. Cục Hàng không Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Tờ trình xin phép đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

b) Quyết định thu hồi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay;

c) Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay đã cấp.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

Điều 48. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo ngay Cảng vụ hàng không đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không trong thời gian không quá 24 giờ. Giám đốc Cảng vụ hàng không có trách nhiệm xem xét, ra quyết định đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong thời gian không quá 24 giờ và báo cáo Cục Hàng không Việt Nam.

2. Thủ tục đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không với thời gian đóng quá 24 giờ quy định như sau:

a) Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay. Báo cáo bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

b) Ngay khi nhận được báo cáo của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

c) Trong thời gian 24 giờ khi nhận được tờ trình của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ trưởng Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

Chương VI
QUẢN LÝ, KHAI THÁC THIẾT BỊ HÀNG KHÔNG VÀ PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 49. Quy định chung

1. Thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng, bao gồm cả tiêu chuẩn của ICAO.

2. Thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép khai thác.

3. Người quản lý, khai thác thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay ban hành và thực hiện các quy trình khai thác, bảo trì phù hợp với tài liệu khai thác, bảo trì của nhà sản xuất; có phương án, thiết bị dự phòng thay thế để đảm bảo không gián đoạn việc cung cấp dịch vụ hàng không; tổ chức huấn luyện, cập nhật cho nhân viên điều khiển, vận hành về tài liệu kỹ thuật, quy trình khai thác, bảo trì, quy định về bảo đảm an toàn khai thác tại khu bay.

4. Việc đầu tư, khai thác các thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay, điều kiện của kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, phạm vi cung cấp dịch vụ của người khai thác thiết bị, phương tiện, mục đích sử dụng.

5. Niên hạn sử dụng của các phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay tuân thủ theo tiêu chuẩn áp dụng.

Điều 50.[21] ***(được bãi bỏ)***

Điều 51. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam

1. Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không, trong đó mô tả sản phẩm và các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

b) Bản sao tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng;

c) Bản sao các tài liệu liên quan: thiết kế kỹ thuật và chi tiết; vật liệu; phương pháp và quy trình sản xuất; hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng; lắp ráp của sản phẩm; chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;

d) Bản sao biên bản nghiệm thu bàn giao hoặc nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng;

đ) Bản sao biên bản kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng do cơ sở có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện;

e) Báo cáo kết quả khai thác thử theo các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật của sản phẩm.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết, quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận cho người đề nghị. Công việc kiểm tra, thử nghiệm bao gồm các công việc sau:

a) Xác định yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng;

b) Kiểm tra thực tế sản phẩm; kiểm tra kết quả nghiệm thu;

---

[21] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

c) Thẩm định các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật cần thiết chứng minh việc đáp ứng hoặc phù hợp của sản phẩm, với các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng; bao gồm cả thông tin về vật liệu và quy trình, phương pháp chế tạo, lắp ráp sản phẩm;

d) Kiểm tra kết quả kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng; trong trường hợp cần thiết, thực hiện hoặc yêu cầu người đề nghị cấp giấy chứng nhận thuê tổ chức độc lập đủ khả năng thực hiện các kiểm tra, thử nghiệm cần thiết để kiểm chứng việc tuân thủ các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng;

đ) Kiểm tra kết quả khai thác thử.

3. Giấy chứng nhận, đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không có giá trị đối với các thiết bị, phương tiện được sản xuất, lắp ráp, cải tiến theo thiết kế và quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.

Điều 52. Cấp, thu hồi biển số của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

1. Cảng vụ hàng không cấp biển số của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay, trừ trường hợp phương tiện có tham gia giao thông thường xuyên ngoài khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp biển số của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp biển số, trong đó nêu rõ nhu cầu sử dụng phương tiện; năm sản xuất, số seri của phương tiện; phương tiện đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng;

b) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng không cấp biển số cho phương tiện hoặc có văn bản thông báo lý do từ chối cấp biển số cho phương tiện.

3. Biển số bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Hết niên hạn sử dụng đối với các xe có niên hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất;

b) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không không còn nhu cầu sử dụng phương tiện để hoạt động tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 53. Quy cách biển số hoạt động của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

1. Phần chữ là mã (code) IATA của cảng hàng không nơi phương tiện hoạt động.

2. Chữ số đầu chỉ đơn vị quản lý khai thác phương tiện, cụ thể:

a) 1 là phương tiện của người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) 2 là phương tiện của các hãng hàng không;

c) 3 là phương tiện của các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không khác.

3. Hai chữ số tiếp theo chỉ loại phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay do Cục Hàng không Việt Nam quy định.

4. Sau hai chữ số chỉ loại phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay là những chữ số chỉ số thứ tự được cấp phép của từng loại phương tiện, bắt đầu từ 01.

5. Kích thước, màu sắc biển số đăng ký, chữ và số trên biển số đăng ký của phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay làm theo quy định về kích thước biển số đăng ký xe ô tô của cơ quan Nhà nước.

Điều 54. Khai thác phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

1. Việc khai thác phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ quy trình vận hành tiêu chuẩn của người sản xuất, người khai thác phương tiện, tài liệu hướng dẫn của IATA nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình khai thác.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể của từng cảng hàng không, sân bay, người khai thác cảng hàng không, sân bay quy định cụ thể tốc độ của phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay để đảm bảo an toàn khai thác tại khu bay.

3. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn yêu cầu tối thiểu đối với việc khai thác phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

4. Phương tiện chuyên ngành hàng không, sân bay bị đình chỉ hoạt động trong trường hợp sau:

a) Không được kiểm định hoặc không đáp ứng yêu cầu khai thác theo tài liệu kỹ thuật của phương tiện;

b) Gây sự cố, tai nạn hàng không.

5. Phương tiện chuyên ngành hàng không bị đình chỉ hoạt động theo quy định tại khoản 4 Điều này được khai thác trở lại trong các trường hợp sau:

a) Đã khắc phục các vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 của Điều này;

b) Đã xác định nguyên nhân sự cố, tai nạn liên quan đến phương tiện.

Điều 55. Bảo trì thiết bị, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Người khai thác thiết bị, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay phải thực hiện việc bảo trì thiết bị, phương tiện theo quy định, của pháp luật liên quan về bảo trì và tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình khai thác.

Điều 56. Tài liệu kỹ thuật của phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Người khai thác phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay phải lập tài liệu kỹ thuật phương tiện. Tài liệu kỹ thuật của phương tiện bao gồm: tài liệu hướng dẫn kỹ thuật; tài liệu khai thác kỹ thuật; lý lịch và hồ sơ cải tạo, thay đổi kiểu loại.

Điều 57. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật của phương tiện

1. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật là tài liệu do người chế tạo hoặc người khai thác phương tiện ban hành để hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chuẩn kỹ thuật trong quá trình thiết kế, chế tạo, khai thác, bảo trì phương tiện. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật bao gồm:

a) Tài liệu hướng dẫn sử dụng;

b) Tài liệu hướng dẫn bảo trì;

c) Tài liệu huấn luyện kỹ thuật.

2. Tài liệu hướng dẫn sử dụng là tài liệu đưa ra những thông tin kỹ thuật cần thiết, những quy định, hướng dẫn cụ thể cho người điều khiển, vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay. Tài liệu hướng dẫn sử dụng bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Loại phương tiện;

b) Giới thiệu về công dụng, thành phần các hệ thống, trong đó nêu rõ số liệu kỹ thuật từng hệ thống;

c) Giới thiệu các loại nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn, dầu thủy lực, khí nén, số lượng cần tra nạp mỗi loại;

d) Cấu tạo, nguyên lý làm việc của phương tiện, bao gồm các cụm tổng thành, các cơ cấu điều khiển: động cơ, ly hợp; hộp số, cơ cấu truyền lực, các loại đồng hồ đo, các hệ thống như thủy lực, điện, khí nén, nhiên liệu, bôi trơn, phòng chống cháy;

đ) Sơ đồ nguyên lý làm việc của các cụm và hệ thống;

e) Các sơ đồ lắp ráp, đấu dây các cụm tổng thành, các hệ thống;

g) Hướng dẫn quy trình vận hành và những yêu cầu về an toàn kỹ thuật khi vận hành;

h) Những hỏng hóc thường xảy ra, nguyên nhân và biện pháp khắc phục.

3. Tài liệu hướng dẫn bảo trì phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay là tài liệu đưa ra các thông tin và hướng dẫn cần thiết cho công tác bảo trì phương tiện. Tài liệu hướng dẫn bảo trì bao gồm các nội dung sau đây:

a) Loại phương tiện;

b) Giới thiệu các dạng bảo dưỡng và chu kỳ tiến hành;

c) Nội dung cụ thể của từng dạng bảo dưỡng;

d) Sơ đồ bôi trơn, chu kỳ và số lượng, chủng loại dầu mỡ cần thay mới;

đ) Hướng dẫn phương pháp và trình tự tháo lắp các cụm tổng thành, các hệ thống và các chi tiết và quy định về an toàn kỹ thuật khi tháo lắp;

e) Hướng dẫn quy trình bảo trì các hệ thống, bộ phận có kèm theo sơ đồ, bản vẽ;

g) Nêu các trường hợp hỏng hóc có thể phát sinh hoặc phát hiện được trong quá trình bảo dưỡng, nguyên nhân và biện pháp khắc phục;

h) Nêu các phương pháp điều chỉnh, kiểm tra, thử nghiệm trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa;

i) Nêu các dụng cụ, thiết bị đo và cách sử dụng khi tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa.

4. Tài liệu huấn luyện kỹ thuật bao gồm các tài liệu được sử dụng trong giảng dạy, hướng dẫn, chuyển loại cho nhân viên kỹ thuật tại các cơ sở huấn luyện kỹ thuật hoặc các lớp huấn luyện, đào tạo, bồi dưỡng nhân viên hàng không. Tài liệu huấn luyện kỹ thuật có thể do nhà chế tạo, người khai thác phương tiện hoặc các cơ sở huấn luyện biên soạn và phê chuẩn trước khi sử dụng.

Điều 58. Tài liệu khai thác kỹ thuật của phương tiện

1. Tài liệu khai thác kỹ thuật là tài liệu cần thiết cho quá trình khai thác và quản lý kỹ thuật của phương tiện. Tài liệu khai thác kỹ thuật do nhà quản lý, khai thác phương tiện phê chuẩn gồm:

a) Nhật ký kỹ thuật, biên bản kỹ thuật;

b) Tài liệu thống kê kỹ thuật;

c) Báo cáo kỹ thuật;

d) Báo cáo đột xuất.

2. Nhật ký kỹ thuật ghi lại tình trạng kỹ thuật hàng ngày hoặc từng ca của phương tiện.

3. Biên bản kỹ thuật ghi lại những sự cố về kỹ thuật đối với phương tiện trong quá trình khai thác.

4. Tài liệu thống kê kỹ thuật nhằm tổng hợp, đánh giá tình trạng hoạt động của phương tiện trong những chu kỳ nhất định, bao gồm các số liệu thống kê về: số giờ hoạt động, số lần làm việc, số ki lô mét đã chạy, sự cố kỹ thuật và các chỉ tiêu khác do cơ sở quy định.

5. Báo cáo kỹ thuật là tài liệu tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động kỹ thuật của phương tiện bao gồm: báo cáo số lượng phương tiện đạt tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật và môi trường, được cấp giấy phép hoạt động; phương tiện không đạt tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật và môi trường, không được cấp giấy phép hoạt động, chờ thanh lý; phương tiện được đầu tư mới.

6. Báo cáo đột xuất là báo cáo khi phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gây ra sự cố, hỏng hóc đối với tàu bay. Báo cáo sự cố bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên gọi và ký hiệu phương tiện gây ra sự cố;

b) Ngày, giờ, địa điểm xảy ra sự cố kỹ thuật;

c) Biên bản xác nhận diễn biến và hiện trạng sau khi xảy ra sự cố kỹ thuật;

d) Sơ bộ xác định nguyên nhân có thể gây ra sự cố và mức độ hư hại;

đ) Kiến nghị và biện pháp xử lý.

Điều 59. Lý lịch và hồ sơ cải tạo, thay đổi kiểu loại của phương tiện

1. Lý lịch kỹ thuật của phương tiện là tài liệu ghi lại nguồn gốc xuất xứ, tên, ký hiệu, chức năng chính, quá trình hoạt động, bảo trì phương tiện.

2. Lý lịch kỹ thuật do người quản lý, khai thác phương tiện xây dựng và bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên và địa chỉ của người khai thác;

b) Tên gọi, ký hiệu, số đăng ký của phương tiện;

c) Công dụng;

d) Nước sản xuất;

đ) Số khung, số máy, số các cụm tổng thành chính;

e) Ngày sản xuất, ngày sử dụng;

g) Ngày bảo dưỡng, sửa chữa.

3. Hồ sơ cải tạo, thay đổi kiểu loại phương tiện do người quản lý, khai thác xây dựng và bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, ký hiệu kiểu loại phương tiện được cải tiến hoặc thay đổi kiểu loại;

b) Lý do cải tiến hoặc thay đổi;

c) Xác nhận việc cải tiến, thay đổi kiểu loại phương tiện phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

d) Ngày cấp;

đ) Người cấp.

Điều 60. Nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

1. Nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được đào tạo, huấn luyện định kỳ theo quy định. Trường hợp nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không mà không được giao thực hiện công việc tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay từ 03 tháng trở lên phải được huấn luyện lại để bảo đảm an toàn khai thác.

2.[22] Tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay đối với trường hợp cấp lần đầu trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kèm theo danh sách nhân viên đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

---

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định;

c) 01 ảnh màu kích thước 3cm x 4cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch, quyết định cấp giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy phép cho tổ chức đề nghị.

3.[23] Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được đề nghị cấp lại trong các trường hợp giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày hoặc hết thời hạn hiệu lực của giấy phép hoặc giấy phép bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi về tổ chức quản lý, sử dụng nhân viên hàng không. Tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kèm theo danh sách nhân viên đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), tài liệu chứng minh nhân viên được đào tạo định kỳ hoặc đào tạo phục hồi theo quy định;

c) 01 ảnh màu kích thước 3cm x 4cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

Trong thời hạn 18 ngày (đối với trường hợp giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày, giấy phép hết thời hạn hiệu lực) và 05 ngày làm việc (đối với trường hợp giấy phép bị mất, hỏng hoặc có sự thay đổi về tổ chức sử dụng nhân viên hàng không), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch (đối với trường hợp giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày, giấy phép

[23] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

hết thời hạn hiệu lực), quyết định cấp lại giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại giấy phép cho tổ chức đề nghị. Đối với trường hợp cấp lại giấy phép khi giấy phép còn hiệu lực dưới 60 ngày Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thu hồi giấy phép cũ trước khi trả giấy phép mới.

4.[24] Tổ chức đề nghị cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp bổ sung năng định kèm theo danh sách nhân viên đề nghị cấp bổ sung năng định theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành thiết bị, phương tiện phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp bổ sung năng định hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho tổ chức đề nghị.

5. Cục Hàng không Việt Nam thu hồi giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay trong trường hợp sau:

a) Giấy phép bị tẩy xóa, được sử dụng không đúng mục đích;

b) Nhân viên có hành vi vi phạm uy hiếp trực tiếp an toàn, an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay, có hành vi che dấu vi phạm quy định về an toàn, an ninh, hàng không;

c) Nhân viên bị phát hiện sử dụng chất gây nghiện; bị kết án trong các vụ án hình sự; gây mất trật tự, an toàn xã hội trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

d) Nhân viên không được giao thực hiện công việc tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay từ 03 tháng trở lên, không được huấn luyện lại nhưng vẫn thực hiện công việc theo giấy phép.

---

[24] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

6. Người điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Chỉ được thực hiện công việc được ghi trong giấy phép;

b) Tuân thủ các giới hạn tốc độ theo quy định; làm chủ tốc độ trong mọi tình huống, điều kiện; không được tăng tốc hoặc phanh đột ngột khi phương tiện tiếp cận hoặc rời khỏi tàu bay; phải quan sát trước, sau và làm chủ được tốc độ khi cho phương tiện chuyển bánh, lưu thông trên đường công vụ, chuyển hướng tiếp cận tàu bay vòng tránh, lùi sau;

c) Chấp hành hướng di chuyển, phương thức di chuyển tránh va chạm với các phương tiện khác; tuân thủ quy định của người khai thác cảng hàng không, sân bay về tuyến và hành lang, luồng chạy của các phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay;

d) Tuân thủ các quy tắc về an toàn lao động và quy định phòng chống cháy nổ theo quy định; mặc trang phục làm việc đúng quy định của đơn vị;

đ) Khi điều khiển phương tiện đi lại trên khu bay phải có bộ đàm để liên lạc hai chiều và tuân thủ huấn lệnh của kiểm soát viên không lưu;

e) Khi có nhu cầu di chuyển trên hoặc cắt ngang qua đường cất hạ cánh, đường lăn phải được phép của kiểm soát viên không lưu; đồng thời phải liên tục giữ liên lạc và tuân theo hướng dẫn của kiểm soát viên không lưu;

g) Khi điều khiển phương tiện đi lại trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay gặp sự cố hoặc bị hư hỏng thì phải báo ngay cho kiểm soát viên không lưu và nhanh chóng đưa phương tiện ra khỏi khu vực đang hoạt động để sửa chữa; không được tiến hành sửa chữa trên đường lưu thông của tàu bay và các phương tiện khác;

h) Khi đã đến vị trí phục vụ, phải kéo phanh tay, chống chân hoặc chèn bánh; khi gặp biển báo hiệu dừng lại (Stop) trên đường công vụ, phải dừng lại quan sát, khi thấy không có dấu hiệu gây mất an toàn mới được đi qua;

i) Phải giảm tốc độ đến mức tối đa hoặc phải dùng các phương tiện để không gây mất an toàn trong những trường hợp sau đây: khi có tàu bay đang lăn; khi chạy trên đường công vụ đến đoạn cắt ngang qua đường lăn; khi đi ngang qua khu vực đỗ tàu bay, khu vực xếp dỡ hành lý, khu vực di chuyển của hành khách; khi tầm nhìn hạn chế; khi tránh xe ngược chiều hoặc cho xe sau vượt lên;

k) Xe đầu kéo không được quá 4 đo-ly và tổng chiều dài các đo-ly không được vượt quá 12,2 m (40 feet), không kể chiều dài cần kéo. Trước khi kéo phải đảm

bảo thùng đựng hàng đã được đậy nắp, chốt của cần kéo đã được lắp chắc chắn, an toàn; chỉ được tháo các đo-ly ra khỏi đầu kéo khi xe đầu kéo đã dừng lại hẳn; không được vừa chạy vừa xả các đo-ly;

l) Phải bật đèn chiếu (đèn cốt) và đèn xoay, không dùng đèn pha khi vận hành các loại phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay vào ban đêm hoặc khi trời mù, trời mưa;

m) Không được dừng phương tiện trên đường công vụ trừ các trường hợp được qui định tại điểm h và i Điều này hoặc đỗ sai vị trí quy định, gây ách tắc cho các loại phương tiện khác; khi cần dừng, người điều khiển phải đưa phương tiện vào nơi quy định;

n) Không điều khiển phương tiện chạy cắt ngang qua khoảng cách giữa: xe dẫn tàu bay và tàu bay đang lăn; tàu bay và nhân viên đánh tín hiệu mặt đất; hệ thống hướng dẫn tàu bay vào điểm đỗ và tàu bay đang lăn vào vị trí đỗ tàu bay;

o) Không điều khiển phương tiện di chuyển dưới thân, cánh, động cơ tàu bay, trừ một số phương tiện có chức năng phục vụ phải di chuyển một phần phía dưới tàu bay trong quá trình phục vụ; không điều khiển những phương tiện có độ cao trên 3,90 m di chuyển dưới cầu ống dẫn khách; không sử dụng các phương tiện trái với tính năng và mục đích sử dụng đã được cấp phép; người điều khiển phương tiện không được rời khỏi vị trí điều khiển khi động cơ đang hoạt động, ngoại trừ xe tra nạp nhiên liệu có hệ thống phanh, liên động (interlock);

p) Khi tiếp cận tàu bay, phải tuân theo các quy tắc sau đây: chỉ được phép tiếp cận khi tàu bay đã dừng hẳn, đã chèn bánh, động cơ chính đã tắt, đèn nháy cảnh báo đã tắt, trừ trường hợp tàu bay phải có phương tiện hỗ trợ mới tắt được động cơ; tiếp cận tàu bay theo đúng thứ tự quy định; đỗ đúng vị trí theo sơ đồ phục vụ của từng loại tàu bay và không được ảnh hưởng đến hoạt động của các phương tiện khác hoạt động trên khu bay; có người hướng dẫn đối với các phương tiện tiếp cận tàu bay theo hình thức lùi, trừ các phương tiện có hệ thống tự động tiếp cận tàu bay;

q) Khi đang nạp nhiên liệu lên tàu bay, các phương tiện hoạt động trên khu bay đỗ trong phạm vi 15 m tính từ vị trí tra nạp nhiên liệu trên tàu bay không được khởi động động cơ;

r) Không được hút thuốc trên khu bay;

7. Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm ban hành, tổ chức phổ biến và thực hiện các quy tắc an toàn trên khu bay.

Điều 61. Kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường phương tiện chuyên ngành hàng không

1. Phương tiện chuyên ngành hàng không phải được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường định kỳ (sau đây gọi chung là kiểm định) theo tài liệu kỹ thuật của phương tiện. Chu kỳ kiểm định phương tiện được quy định như sau:

a) Đối với phương tiện chưa qua sử dụng, chu kỳ kiểm định lần đầu là 24 tháng, kể từ ngày được cấp biển số;

b) Đối với phương tiện đã qua sử dụng, chu kỳ kiểm định là 12 tháng, kể từ ngày được cấp biển số hoặc lần kiểm định trước.

2. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thực hiện hoặc chỉ định cho tổ chức đủ năng lực thực hiện việc kiểm định phương tiện chuyên ngành hàng không; hướng dẫn nội dung kiểm định; thực hiện công tác giám sát kiểm định.

Chương VII
PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 62. Quy định chung

1. Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Công tác phòng chống thiên tai;

b) Công tác khẩn nguy sân bay.

2. Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại cảng hàng không, sân bay được thực hiện theo quy định về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn hàng không, tiêu chuẩn của ICAO, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam ban hành hoặc công nhận áp dụng.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn cảng hàng không, sân bay trong công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, đối phó ban đầu hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải bảo đảm các thiết bị, phương tiện tối thiểu phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo tiêu chuẩn áp dụng; người khai thác cảng hàng không, sân bay được phép huy

động thiết bị, phương tiện của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn cảng hàng không, sân bay.

5. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo người khai thác cảng hàng không, sân bay và các doanh nghiệp khác hoạt động tại cảng hàng không, sân bay thiết lập hệ thống cơ sở, lực lượng phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; công tác diễn tập, ký kết văn bản hiệp đồng liên quan đến công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại cảng hàng không, sân bay.

Điều 63. Phòng chống thiên tai tại cảng hàng không, sân bay

1. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai của cảng hàng không, sân bay theo quy định;

b) Xây dựng, ký kết các văn bản hiệp đồng về công tác phòng chống thiên tai với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn cảng hàng không và với chính quyền địa phương theo quy định;

c) Kiểm tra, rà soát, bổ sung, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị phòng chống thiên tai;

d) Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống chằng néo, neo đỗ tàu bay tại các sân đỗ tàu bay; kiểm tra, tổ chức gia cố các cơ sở, công trình, nhà xưởng, đài trạm;

đ) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ hệ thống thoát nước tại cảng hàng không và việc kết nối giữa hệ thống thoát nước nội bộ cảng hàng không với hệ thống thoát nước bên ngoài đảm bảo không bị úng ngập trong mùa mưa bão;

e) Kiểm tra hệ thống chống sét tại các công trình, nhà ga, đài, trạm tại khu vực cảng hàng không, sân bay.

2. Trách nhiệm của các doanh nghiệp khác hoạt động tại cảng hàng không, sân bay:

a) Xây dựng phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai cụ thể của đơn vị;

b) Kiểm tra, rà soát, bổ sung, bảo dưỡng hệ thống thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai, các cơ sở, công trình, đài, trạm của đơn vị;

c) Phối hợp với người khai thác cảng hàng không, sân bay trong phòng chống thiên tai và khắc phục hậu quả.

Điều 64. Công tác khẩn nguy sân bay

1. Công tác khẩn nguy sân bay bao gồm các tình huống sau:

a) Tìm kiếm cứu nạn tàu bay lâm nạn ngoài cảng hàng không, sân bay trong khu vực thuộc phạm vi trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Khẩn nguy sân bay đối với tàu bay gặp sự cố, tai nạn trong cảng hàng không, sân bay;

c) Khẩn nguy sân bay liên quan đến tình huống các công trình, nhà xưởng, đài trạm tại cảng hàng không, sân bay bị cháy, nổ, bị sập đổ vì bão lốc, ngập úng, bị can thiệp bất hợp pháp, khẩn nguy y tế;

d) Khẩn nguy sân bay trong điều kiện môi trường khắc nghiệt, địa hình khu vực lân cận sân bay phức tạp, gần biển;

đ) Khẩn nguy can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng theo quy định.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay xây dựng kế hoạch khẩn nguy sân bay; xây dựng lực lượng khẩn nguy cảng hàng không, sân bay chuyên nghiệp theo đúng quy định của ICAO; hợp đồng phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác khẩn nguy sân bay.

3. Các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không trên địa bàn cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm đảm bảo đầy đủ lực lượng, phương tiện theo kế hoạch khẩn nguy sân bay của người khai thác cảng hàng không, sân bay.

4. Kế hoạch khẩn nguy sân bay bao gồm các nội dung sau:

a) Quy định chung: mục đích, đối tượng áp dụng, phạm vi trách nhiệm, căn cứ pháp lý để xây dựng, phân loại tình huống khẩn nguy và quy trình sửa đổi, bổ sung tài liệu;

b) Tổ chức công tác khẩn nguy gồm: ban chỉ huy khẩn nguy, trung tâm khẩn nguy cảng hàng không, sân bay, trạm báo động khẩn nguy, ban chỉ huy hiện trường; thiết lập các khu vực, sơ đồ luồng tuyến, cổng cửa ra vào cho lực lượng, phương tiện tham gia vào công tác ứng phó khẩn nguy;

c) Phân định trách nhiệm cho các đơn vị trong việc tổ chức, phối hợp và thực hiện công tác khẩn nguy;

d) Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ trong công tác khẩn nguy;

đ) Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sử dụng trong công tác khẩn nguy;

e) Điều tra và khôi phục: trách nhiệm của các đơn vị trong công tác điều tra và khôi phục sự cố, tai nạn;

g) Chế độ trực khẩn nguy và công tác huấn luyện, kiểm tra, diễn tập;

h) Quy chế báo cáo;

i) Quy chế phối hợp với ban chỉ huy khẩn nguy địa phương;

k) Các phụ lục gồm: vùng trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn của cảng hàng không, sân bay; sơ đồ thông báo khi có tình huống khẩn nguy; sơ đồ thông báo, báo động khi có hành vi can thiệp bất hợp pháp; sơ đồ chỉ huy, chỉ đạo khi có tình huống khẩn nguy; sơ đồ thông tin liên lạc, mật danh và tần số quy định cho công tác khẩn nguy; danh bạ điện thoại của các cá nhân, tổ chức có liên quan trong công tác khẩn nguy; sơ đồ kẻ lưới ô vuông cảng hàng không và khu vực lân cận cảng hàng không; sơ đồ cổng, cửa, luồng tuyến ra vào của lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó với tình huống khẩn nguy; các tình huống khẩn nguy giả định.

5. Kế hoạch khẩn nguy sân bay bao gồm khẩn nguy tại chỗ, khẩn nguy hoàn toàn và được chia thành các giai đoạn:

a) Giai đoạn thu thập thông tin và đánh giá tình huống;

b) Giai đoạn báo động;

c) Giai đoạn khẩn nguy.

6. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chỉ huy, điều hành các lực lượng hàng không để ứng phó ban đầu với các tình huống khẩn nguy sân bay, tìm kiếm cứu nạn trong khu vực thuộc phạm vi trách nhiệm được giao; bàn giao, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc tìm kiếm cứu nạn tàu bay trong khu vực trách nhiệm được giao sau khi hoàn thành công tác ứng phó ban đầu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế phối hợp tìm kiếm cứu nạn, ứng phó hành vi can thiệp bất hợp pháp trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

7. Người khai thác cảng hàng không, sân bay triển khai thực hiện kế hoạch khẩn nguy trong cảng hàng không, sân bay, cụ thể:

a) Triển khai các lực lượng khẩn nguy cứu nạn sẵn sàng ứng phó, tiếp cận khu vực sự cố, tai nạn;

b) Kích hoạt trung tâm khẩn nguy cảng hàng không;

c) Thông báo cho các đơn vị hiệp đồng liên quan;

d) Dịch vụ y tế và cứu thương sẵn sàng ứng phó, tiếp cận khu vực sự cố, tai nạn;

đ) Thông báo cho người khai thác tàu bay lâm nguy, lâm nạn; thu thập thông tin liên quan đến các hàng hóa nguy hiểm trên tàu bay, thông báo cho những đơn vị liên quan;

e) Báo cáo Cảng vụ hàng không; thiết lập liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay liên quan đến việc đóng cửa cảng hàng không, sân bay, chỉ định hành lang bay khẩn nguy, phát hành NOTAM;

g) Thông báo cho các cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay theo quy định;

h) Thông báo cho bộ phận khí tượng để đưa ra thông báo khí tượng đặc biệt;

i) Bố trí để thực hiện khảo sát và chụp ảnh ngay lập tức đường cất hạ cánh bị ảnh hưởng để có các giải pháp xử lý kịp thời;

k) Thông báo cho bộ phận khám nghiệm tử thi trong trường hợp có tử vong và thiết lập cơ sở nhà xác tạm thời.

8.[25] Người khai thác cảng hàng không, sân bay có trách nhiệm thực hiện việc diễn tập khẩn nguy sân bay định kỳ theo các cấp độ như sau:

a) Tổng diễn tập khẩn nguy sân bay phải được tổ chức thực hiện với tần suất không quá 02 năm/lần;

b) Diễn tập khẩn nguy sân bay cơ sở giữa hai lần tổng diễn tập để khắc phục những thiếu sót được phát hiện trong lần tổng diễn tập.

Điều 65. Cứu hỏa sân bay

1. Cấp cứu hỏa sân bay được xác định theo tiêu chuẩn của ICAO. Cấp cứu hỏa sân bay được công bố trong AIP, quy chế bay trong khu vực sân bay và trong tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay; được triển khai tới các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Khi hệ thống phương tiện, trang thiết bị cứu hỏa gặp sự cố làm thay đổi về cấp cứu hỏa sân bay, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải báo cáo Cục Hàng không Việt Nam, thông báo cho các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, thực hiện quy trình thông báo tin tức hàng không để thông báo cho tàu bay đi, đến cảng hàng không, sân bay. Khi khắc phục xong sự cố, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải thông báo lại các thông tin về cấp cứu hỏa sân bay theo quy định.

Điều 66. Yêu cầu đối với nhân viên cứu nạn, chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc và báo động, thời gian phản ứng, phương tiện, thiết bị chữa cháy, khẩn nguy sân bay

1. Nhân viên cứu nạn, chữa cháy phải được huấn luyện tại cơ sở đào tạo, huấn luyện chuyên ngành, theo chương trình đào tạo, huấn luyện nhân viên cứu nạn, chữa cháy phù hợp; có chứng chỉ phù hợp; tham gia các cuộc diễn tập cứu nạn,

---

[25] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

chữa cháy tại cảng hàng không, sân bay. Chương trình huấn luyện nhân viên cứu nạn, chữa cháy phải bao gồm huấn luyện kỹ năng hành động của từng người và khả năng phối hợp trong đội.

2. Nhân viên cứu nạn, chữa cháy phải thường xuyên được huấn luyện thực hành để có thể sử dụng thành thạo các trang thiết bị chữa cháy trên xe chữa cháy, đảm bảo vận hành, khai thác các thiết bị với công suất tối đa trong quá trình chữa cháy, cứu nạn; sử dụng thành thạo dây, thang và các thiết bị cứu nạn, chữa cháy khác gắn liền với hoạt động cứu nạn, chữa cháy cho tàu bay.

3. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải bố trí đủ số lượng nhân viên cứu hỏa phù hợp với cấp sân bay tương ứng; bố trí đầy đủ trang bị, thiết bị, dụng cụ, quần áo phòng cháy chữa cháy cho nhân viên cứu nạn, chữa cháy theo phương án phòng cháy chữa cháy của cảng hàng không, sân bay; bố trí các xe cứu nạn và chữa cháy trực đúng nơi quy định của phương án khẩn nguy sân bay; bố trí các trạm chữa cháy trung gian (trạm chữa cháy vệ tinh) để đáp ứng được thời gian phản ứng theo quy định.

4. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải đảm bảo đủ hệ thống thông tin liên lạc trực tiếp giữa một trạm chữa cháy với đài kiểm soát tại sân bay, với các trạm chữa cháy khác trên sân bay, các xe cứu nạn, chữa cháy và đài kiểm soát không lưu, đài kiểm soát mặt đất; hệ thống báo động cho nhân viên cứu nạn, chữa cháy.

5. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải trang bị phương tiện, thiết bị chữa cháy, khẩn nguy sân bay phù hợp với quy mô cảng hàng không, tần suất hoạt động của tàu bay và cấp cứu hỏa sân bay, điều kiện địa hình cảng hàng không và khu vực lân cận cảng hàng không. Đối với cảng hàng không, sân bay ở vùng có địa hình, môi trường phức tạp, người khai thác cảng hàng không, sân bay phải trang bị các phương tiện, thiết bị chữa cháy, khẩn nguy phù hợp.

6. Xe cứu thương và các phương tiện y tế để vận chuyển người bị thương từ tàu bay bị nạn phải được chỉ đạo chung bởi người có thẩm quyền theo phương án khẩn nguy sân bay; được dự phòng trong kế hoạch cứu nạn với mọi trường hợp xử lý các tình huống khẩn nguy.

7. Thời gian phản ứng là thời gian giữa thời điểm báo động đầu tiên đến thời điểm khi xe chữa cháy đầu tiên đến vị trí tàu bay lâm nạn xả bọt với tốc độ tối thiểu là 50% tốc độ xả. Thời gian phản ứng của xe chữa cháy phải bảo đảm các quy định sau:

a) Các phương tiện chữa cháy phải đảm bảo thời gian phản ứng không quá 02 phút để đi đến bất cứ điểm nào của các đường cất hạ cánh đang hoạt động trong điều kiện tầm nhìn tốt và mặt đường sạch, không bị mưa;

b) Các phương tiện chữa cháy phải đảm bảo thời gian phải ứng không quá 03 phút đi đến bất cứ bộ phận nào của khu bay trong điều kiện tầm nhìn tốt và mặt đường sạch, không bị mưa.

8. Hệ thống các xe cứu nạn, chữa cháy phải được bảo dưỡng để đảm bảo thiết bị làm việc hiệu quả và phù hợp với thời gian được quy định trong suốt thời gian hoạt động của xe.

9. Phương tiện, thiết bị chữa cháy, khẩn nguy sân bay phải luôn sẵn sàng để kịp thời ứng phó với các tình huống khẩn nguy xảy ra trong vùng trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn của cảng hàng không.

Điều 67. Phòng, chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay, các tổ chức hoạt động trên địa bàn cảng hàng không, sân bay phải xây dựng nội quy phòng, chống cháy nổ, phương án phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, trong đó có các nội dung sau:

a) Tình huống cháy lớn phức tạp và tình huống cháy đặc trưng khác, dự báo khả năng phát triển của đám cháy;

b) Kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện, tổ chức chỉ huy, áp dụng các biện pháp kỹ, chiến thuật chữa cháy, thoát nạn phù hợp với từng giai đoạn và từng tình huống cháy;

c) Kế hoạch hợp đồng phối hợp với các cơ quan phòng cháy và chữa cháy, quân đội, công an và các đơn vị liên quan khác trên địa bàn khi có tình huống xảy ra cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay quản lý tập trung lực lượng phòng chống cháy nổ, huy động từ các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn cảng hàng không, sân bay; thành lập đội chữa cháy chuyên ngành, thường xuyên duy trì chế độ huấn luyện phương pháp chữa cháy, cách sử dụng các phương tiện chữa cháy được trang bị; bố trí nhân viên kiểm tra công tác đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy thường xuyên; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện phòng chống cháy nổ.

3. Nội dung huấn luyện phòng chống cháy nổ phải phù hợp với tính chất nguy hiểm cháy đặc thù của cơ sở. Đối với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tại các sân bay, ngoài các nội dung huấn luyện chữa cháy khẩn nguy trên sân bay phải được huấn luyện các chiến thuật chữa cháy tại các khu vực trong nhà ga.

4. Thiết kế, xây dựng, sửa chữa, cải tạo, khai thác nhà ga phải tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy hiện hành.

5. Việc sử dụng các thiết bị gas, thiết bị điện để chế biến thực phẩm trong khu vực nhà ga phải được phép của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nhà ga và tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy.

6. Không được phép hút thuốc lá trong cảng hàng không, sân bay trừ những khu vực dành riêng để hút thuốc.

7. Xưởng sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay phải có hệ thống thiết bị phòng cháy, chữa cháy tự động, hệ thống phòng chống cháy nổ đối với tàu bay.

8. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không phải có hệ thống kho, bồn chứa, phương tiện vận chuyển, tra nạp và cơ sở hóa nghiệm xăng dầu đáp ứng tiêu chuẩn quy định, được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền kiểm định và cấp phép; có phương án phòng chống cháy nổ được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền phê duyệt.

9. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xăng dầu hàng không phải có phương án đối phó trong trường hợp có sự cố thiên tai, tràn dầu ảnh hưởng đến môi trường, phương án và hệ thống thu gom, xử lý dầu thải, dầu tràn; có văn bản hiệp đồng với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn đối với việc xử lý sự cố cháy nổ, tràn dầu.

Chương VIII
BẢO ĐẢM KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 68. Kiểm soát và giảm thiểu tác hại của chim, động vật hoang dã, vật nuôi

1. Việc kiểm soát và giảm thiểu tác hại của chim, động vật hoang dã, vật nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, tiêu chuẩn của ICAO, tiêu chuẩn, quy chuẩn do Việt Nam ban hành hoặc công nhận áp dụng.

2. Người khai thác cảng hàng không, sân bay chủ trì phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan, có trách nhiệm:

a) Khảo sát, lập sổ theo dõi tình trạng chim và động vật hoang dã cư trú tại địa bàn cảng và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay bao gồm: chủng loại, số lượng theo tháng, mùa;

b) Đánh giá các tác động, yếu tố về môi trường tại cảng và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay thu hút sự xuất hiện của chim và động vật hoang dã;

c) Khảo sát tình hình vật nuôi tại địa bàn cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận;

d) Lập sổ theo dõi các vụ uy hiếp an toàn bay do chim, động vật hoang dã, vật nuôi gây ra bao gồm các yếu tố: loài, thời gian xảy ra, phân loại đánh giá sự nguy hiểm của từng loài;

đ) Ban hành, thông báo tới các đơn vị liên quan hoạt động tại cảng hàng không, sân bay và tổ chức thực hiện chương trình phòng chống chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại từng cảng hàng không, sân bay;

e) Xem xét việc triển khai các dự án, các công trình nhằm ngăn chặn, hạn chế việc thu hút chim, động vật hoang dã tại cảng hàng không, sân bay; ngăn chặn việc nuôi động vật tại cảng hàng không, sân bay; ngăn chặn việc xâm nhập của vật nuôi vào cảng hàng không, sân bay;

g) Báo cáo hàng tháng, hàng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu với Cục Hàng không Việt Nam về kết quả thống kê, khảo sát, đánh giá ảnh hưởng của chim, động vật hoang dã, vật nuôi tới hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay.

3. Cục Hàng không Việt Nam thực hiện thông báo các sự cố tàu bay va đập với chim và động vật hoang dã cho ICAO.

Điều 69. Kiểm soát các thiết bị chiếu sáng ảnh hưởng đến hoạt động bay

1. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải thiết lập sơ đồ các vùng ảnh hưởng đến hoạt động bay của đèn laze, thiết bị chiếu sáng với cường độ cao trong tài liệu khai thác sân bay; gửi sơ đồ các vùng ảnh hưởng đến các cơ quan, đơn vị hoạt động tại cảng hàng không, sân bay và chính quyền địa phương có liên quan để phối hợp kiểm soát.

2. Việc kiểm soát và giảm thiểu các mối nguy hiểm từ đèn laze, thiết bị chiếu sáng với cường độ cao mà không phải là đèn dẫn đường hàng không được thực hiện theo quy định của Thông tư này và tiêu chuẩn của ICAO.

Điều 70. Quản lý chướng ngại vật hàng không

1. Việc quản lý chướng ngại vật hàng không tại cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và tiêu chuẩn của ICAO.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Xây dựng bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, độ cao công trình liên quan đến bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không trong khu vực sân bay, khu vực giới hạn bảo đảm hoạt động bình thường của các đài, trạm vô tuyến điện hàng không; giới hạn chướng ngại vật khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay; trình Bộ Tổng tham mưu phê duyệt;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trực thuộc Bộ Tổng tham mưu, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, ngăn ngừa và xử lý các công trình vi phạm bề mặt giới hạn

chướng ngại vật ảnh hưởng đến hoạt động bay dân dụng; tuyên truyền, phổ biến tới các cơ quan, đoàn thể, cộng đồng dân cư nơi có sân bay và khu vực lân cận sân bay để tham gia duy trì, quản lý các bề mặt giới hạn chướng ngại vật, nhằm đảm bảo an toàn cho mọi hoạt động bay;

c) Công bố công khai bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không, bản đồ chướng ngại vật trong khu vực hoạt động bay dân dụng, danh mục chướng ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay.

3. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm:

a) Tổ chức đo đạc, lập sơ đồ, bản đồ chướng ngại vật trong khu vực hoạt động bay dân dụng; thống kê, đánh dấu danh mục chướng ngại vật tự nhiên, nhân tạo có thể ảnh hưởng đến an toàn hoạt động bay cập nhật thông tin về chướng ngại vật; báo cáo Cục Hàng không Việt Nam;

b) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về quản lý chướng ngại vật hàng không tại cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay.

Điều 71. Thông tin liên lạc bằng vô tuyến điện

1. Việc thông tin liên lạc bằng các thiết bị vô tuyến điện tại cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý tần số vô tuyến điện, pháp luật về hàng không dân dụng.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng các thiết bị vô tuyến điện tại cảng hàng không, sân bay sau khi được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải thông báo việc sử dụng với Cảng vụ hàng không.

Điều 72. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Việc bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay thực hiện theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng.

Điều 73. Yêu cầu đối với việc phòng, chống dịch bệnh

1. Phương tiện, cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng, chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, phòng, chống dịch bệnh lây lan qua đường hàng không, tuân theo các chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nhà ga hành khách phải được đảm bảo các điều kiện sau đây:

a) Vệ sinh phòng bệnh thông thường; trong trường hợp có dịch bệnh phải được tăng cường vệ sinh, khử trùng thường xuyên bằng hóa chất diệt khuẩn được phép sử dụng theo quy định của Tổ chức Y tế Thế giới, ICAO, Bộ Y tế;

b) Bố trí đủ dung dịch sát khuẩn hoặc xà phòng rửa tay tại các khu vệ sinh;

c) Bố trí đủ trang thiết bị, bảo hộ, thuốc, hóa chất để thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo chỉ đạo của Bộ Y tế.

3. Trong trường hợp có dịch bệnh lây lan, người cung cấp dịch vụ nhà ga hành khách có trách nhiệm bố trí địa điểm kiểm tra để hành khách khai báo y tế; địa điểm để giám sát tình trạng sức khỏe, đo thân nhiệt hoặc áp dụng các biện pháp kiểm tra, xử lý y tế khác theo quy định của pháp luật. Địa điểm kiểm tra được quy định như sau:

a) Đối với hành khách đến: trên tàu bay hoặc trước khi vào nhà ga; hoặc trong nhà ga nhưng trước khi làm các thủ tục liên quan khác;

b) Đối với hành khách đi: trong nhà ga trước khi lên tàu bay.

4. Trong trường hợp có dịch bệnh lây lan, tùy mức độ cảnh báo dịch của Bộ Y tế, tàu bay thực hiện chuyến bay quốc tế, chuyến bay nội địa phải được khử trùng bằng hóa chất diệt khuẩn được phép sử dụng theo quy định của Tổ chức Y tế Thế giới, ICAO, Bộ Y tế. Việc khử trùng được thực hiện như sau:

a) Tàu bay, người, hàng hóa có dấu hiệu mang dịch truyền nhiễm nhóm A thì tàu bay phải được cách ly, kiểm tra và xử lý y tế trước khi làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh;

b) Khi phát hiện hành khách có dấu hiệu mang bệnh truyền nhiễm nhóm A thì phải tiến hành khử trùng tàu bay trước khi cho hành khách ra khỏi máy bay.

5. Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh dưới sự chủ trì, điều hành của Cảng vụ hàng không với sự tham gia của cơ quan kiểm dịch y tế quốc tế, người khai thác cảng hàng không, sân bay, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nhà ga hành khách, các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng hàng không quốc tế. Ban chỉ đạo có trách nhiệm:

a) Triển khai thực hiện các biện pháp cần thiết theo hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc phòng chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, phòng chống dịch bệnh lây lan qua đường hàng không;

b) Ban hành phương án phòng chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, phòng chống dịch bệnh lây lan qua đường hàng không, quy trình xử lý cụ thể khi phát hiện có người nghi nhiễm dịch bệnh, trên nguyên tắc ưu tiên tuyệt đối cho quy trình xử lý y tế, đơn giản hóa thủ tục hàng không, thủ tục xuất nhập cảnh, hải quan theo quy định;

c) Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân viên tại cảng hàng không, sân bay về công tác phòng chống dịch bệnh, vì sức khỏe cộng đồng;

d) Tổ chức thực hiện các phương án hỗ trợ: bố trí vị trí đỗ tàu bay phải cách ly; bố trí vị trí đặt thiết bị kiểm tra y tế, bố trí luồng tuyến vào ra cho hành khách tại

cảng hàng không, sân bay; bố trí khu vực cách ly cho hành khách bị nghi ngờ hoặc mắc bệnh truyền nhiễm lây lan theo yêu cầu; bảo đảm an ninh, hỗ trợ thực hiện các biện pháp bắt buộc đối với người, phương tiện; hỗ trợ về phục vụ kiểm dịch y tế, sát khử trùng, vệ sinh môi trường, phương tiện vận chuyển; huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay trong việc thực hiện các biện pháp cấp bách phục vụ chống dịch bệnh lây lan.

6. Doanh nghiệp vận chuyển hàng không có trách nhiệm tuyên truyền cho hành khách khai báo tờ khai y tế một cách đầy đủ, chính xác, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc phòng chống dịch bệnh lây lan; thông báo kịp thời cho các cơ quan có trách nhiệm về các chuyến bay xuất phát hoặc có hạ cánh tại các khu vực dịch bệnh truyền nhiễm lây lan; phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết hành khách bị nghi ngờ hoặc mắc dịch bệnh truyền nhiễm lây lan.

7. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành hàng không phối hợp với các cơ quan kiểm dịch y tế triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh tại cảng hàng không, sân bay, phòng chống dịch bệnh lây lan qua đường hàng không theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới, ICAO, quy định của Bộ Y tế.

Điều 74. Hoạt động quảng cáo

1. Việc xây dựng các công trình quảng cáo phải tuân thủ quy hoạch được phê duyệt, quy định của pháp luật về quảng cáo; quy định của pháp luật về xây dựng công trình tại cảng hàng không, sân bay; quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, lắp đặt phương tiện quảng cáo.

2. Người khai thác công trình được thực hiện hoạt động quảng cáo tại công trình thuộc phạm vi quản lý, khai thác.

3. Việc xây dựng công trình quảng cáo, lắp đặt phương tiện quảng cáo phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Không làm ảnh hưởng đến mỹ quan, kiến trúc nhà ga, hệ thống biển báo trong nhà ga;

b) Không đặt biển quảng cáo, sử dụng tờ rơi, âm thanh để quảng cáo tại khu bay;

c) Không đặt biển quảng cáo tại vị trí cửa thoát hiểm của các công trình;

d) Không đặt biển quảng cáo ảnh hưởng đến công tác an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, cản trở luồng di chuyển của hành khách và hàng hóa;

đ) Không sử dụng âm thanh để quảng cáo tại các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay; tại các công trình khác ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ hàng không;

e) Không lắp các đèn hiệu, biển quảng cáo có sử dụng đèn xoay, đèn laze và các thiết bị chiếu sáng gây ảnh hưởng đến hoạt động bay trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

g) Không quảng cáo bằng khinh khí cầu, bóng bay, diều và các vật thể bay khác trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

h) Không quảng cáo trên phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, các thiết bị tại sân đỗ tàu bay làm ảnh hưởng đến hoạt động bay hoặc tính năng hoạt động bình thường của phương tiện, thiết bị.

4. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc xây dựng công trình quảng cáo, hoạt động quảng cáo; đình chỉ việc xây dựng công trình quảng cáo, hoạt động quảng cáo vi phạm các quy định của pháp luật.

Điều 75. Phân bổ giờ cất hạ cánh

1. Cục Hàng không Việt Nam thành lập Hội đồng điều phối giờ cất, hạ cánh tại các cảng hàng không, sân bay để thực hiện khảo sát, công bố danh mục cảng hàng không, sân bay được điều phối, giới hạn khai thác của cảng hàng không, sân bay được điều phối theo quy định. của pháp luật.

2. Cục Hàng không Việt Nam phân bổ giờ hạ, cất cánh tại các cảng hàng không, sân bay trên cơ sở đề xuất của Hội đồng điều phối giờ cất, hạ cánh; việc xác nhận giờ hạ, cất cánh đối với lịch bay thường lệ tại các cảng hàng không, sân bay được điều phối thực hiện theo tài liệu Hướng dẫn điều phối giờ hạ, cất cánh toàn cầu (Worldwide Slot Guidelines), tài liệu thông tin lịch bay tiêu chuẩn (Standard Schedules Information Manual) được cập nhật của IATA và quy chế điều phối giờ cất, hạ cánh của Cục Hàng không Việt Nam.

Điều 76. Sân bay căn cứ của hãng hàng không trong nước[26]

1. Sân bay được xác định là sân bay căn cứ của hãng hàng không trong nước khi:

a) Có cơ sở bảo dưỡng được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn cho hãng hoặc có hợp đồng bảo dưỡng với cơ sở bảo dưỡng đã được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn;

---

[26] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

b) Đảm bảo bố trí tàu bay qua đêm cho hãng hàng không.

2. Các hãng hàng không trong nước làm việc với người khai thác cảng hàng không, sân bay nhằm xác định năng lực khai thác sân đỗ tàu bay phù hợp với nhu cầu lựa chọn sân bay căn cứ và nhu cầu bố trí vị trí đỗ tàu bay qua đêm của hãng.

3. Cục Hàng không Việt Nam xác định sân bay căn cứ của hãng hàng không trong nước trong quá trình xem xét cấp mới hoặc sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận người khai thác tàu bay và tiến hành công bố sân bay căn cứ.

Điều 77. Phân bổ sử dụng quầy làm thủ tục hàng không

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách phân bổ quầy làm thủ tục hàng không (check-in) cho các hãng hàng không, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trên nguyên tắc linh hoạt, đảm bảo tận dụng toàn bộ quầy làm thủ tục hàng không tại nhà ga hành khách trong các khung giờ cao điểm, không để xảy ra tắc nghẽn liên tục tại quầy làm thủ tục hàng không.

2. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm giám sát việc thực hiện nguyên tắc phân bổ quầy làm thủ tục hàng không theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 78. Di chuyển tàu bay không có khả năng di chuyển

1. Phương án di chuyển tàu bay hư hỏng trên khu bay phải được quy định trong tài liệu khai thác sân bay.

2. Tàu bay bị hỏng hóc, mất khả năng di chuyển nằm trong khu vực có hoạt động bay cần phải được di dời đi nơi khác để không ảnh hưởng đến hoạt động hàng không bình thường. Việc di dời tàu bay mất khả năng di chuyển thuộc trách nhiệm của người khai thác tàu bay. Người khai thác tàu bay phải tổ chức di dời tàu bay bị sự cố theo yêu cầu và chỉ đạo của người khai thác cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp người khai thác tàu bay không đủ khả năng để tổ chức di dời, người khai thác tàu bay phải hiệp đồng với người khai thác cảng hàng không, sân bay để người khai thác cảng hàng không, sân bay tổ chức di dời với chi phí di dời do người khai thác tàu bay chịu trách nhiệm thanh toán.

3. Tổ chức di dời tàu bay mất khả năng di chuyển tại sân bay cần theo thứ tự như sau:

a) Xác định điều kiện mức độ hư hại của tàu bay bị tai nạn vào thời điểm sớm nhất để thông báo yêu cầu tới công ty cung cấp dịch vụ di dời nhanh chóng có mặt phục vụ theo hợp đồng đã được thỏa thuận và dự kiến trước các phương án để phối hợp thực hiện di dời; thông báo cho cơ quan điều tra tai nạn, công ty bảo hiểm có mặt tại hiện trường;

b) Thiết lập đường để cho các loại xe đặc chủng ra, vào phục vụ việc di dời tàu bay;

c) Tháo nguồn ắc quy hoặc tháo dây tiếp mát, tháo nguồn ra khỏi thanh dẫn điện; tổ chức thông gió phần bên trong tàu bay, kiểm tra dập tắt lửa những chỗ còn cháy khói, tẩy rửa các chất lỏng, bẩn cả bên trong khoang tàu bay và trên mặt đất trước khi di dời tàu bay đi. Tiến hành giảm trọng lượng tàu bay như rút dầu, giải tỏa hàng hóa và tháo bớt những bộ phận có thể tháo của tàu bay để giảm trọng lượng, tạo điều kiện cho việc nâng nhấc tàu bay đi;

d) Vận chuyển chuyên gia và các thiết bị phục vụ di dời của công ty dịch vụ đã thuê ra hiện trường; chuẩn bị sẵn sàng các lực lượng, phương tiện cùng phối hợp với công ty dịch vụ thực hiện các bước di dời;

đ) Tổ chức nâng nhấc, sửa chữa phục hồi theo phương án đã được phê duyệt;

e) Sau khi đã di dời tàu bay mất khả năng di chuyển ra khỏi khu vực, tổ chức san gạt, thu dọn mặt bằng và kiểm tra tổng hợp; nếu đảm bảo đủ điều kiện an toàn, đưa đường cất hạ cánh, vào khai thác theo quy định.

4. Các yêu cầu trong thời gian tổ chức di dời:

a) Xe cứu hỏa và cứu thương phải trực tại địa điểm sẵn sàng làm nhiệm vụ;

b) Phải đảm bảo thông tin liên lạc với đài kiểm soát tại sân bay và với các cơ quan liên quan để không ảnh hưởng đến hoạt động bay của đường cất hạ cánh còn lại;

c) Tổ chức di dời không làm tàu bay hư hỏng thêm trừ trường hợp có ý kiến của chủ tàu bay hay người khai thác tàu bay trong trường hợp tàu bay bị hư hại nhiều không còn khả năng phục hồi sửa chữa;

d) Chọn địa điểm di dời tàu bay đến nơi thuận lợi và có khả năng phải lưu lại một thời gian dài;

đ) Không hút thuốc lá tại hiện trường và khu vực phụ cận;

e) Di dời tàu bay đi phải được phép của cơ quan điều tra tai nạn.

5. Người khai thác tàu bay hiệp đồng với người khai thác cảng hàng không, sân bay để canh giữ, bảo vệ tàu bay hư hỏng sau khi được di dời đến vị trí đỗ tàu bay được xác định trong phương án di chuyển tàu bay hư hỏng để phục vụ công tác điều tra sự cố tàu bay theo quy định.

6. Trong kế hoạch hiệp đồng sẵn sàng xử lý khi có tình trạng tàu bay mất khả năng di chuyển xảy ra tại cảng hàng không cần phải nêu rõ địa điểm của ban chỉ huy hiện trường, các số điện thoại quan trọng và chỉ dẫn các đường ra, vào của các phương tiện phục vụ di dời tàu bay.

Chương IX
KINH DOANH DỊCH VỤ CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 79. Kinh doanh dịch vụ hàng không

1. Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật và nguyên tắc chống độc quyền.

2. Tài liệu chứng minh đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành về bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường bao gồm:

a) Chương trình an ninh hàng không, quy chế an ninh hàng không;

b) Tài liệu cung cấp dịch vụ bao gồm các nội dung: lĩnh vực cung cấp dịch vụ; phạm vi cung cấp dịch vụ (quy mô cung cấp dịch vụ, sơ đồ mặt bằng hạ tầng cung cấp dịch vụ); quy trình, phương án cung cấp dịch vụ hàng không; danh mục phương tiện, thiết bị;

c) Văn bản, biên bản nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của cơ quan phòng cháy chữa cháy; phương án phòng cháy chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Giấy kiểm định phương tiện chuyên ngành hàng không; giấy phép phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế; giấy chứng nhận đảm bảo an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường;

đ) Hồ sơ, tài liệu bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

3. Hãng hàng không có quyền tự do lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không được phép tại cảng hàng không, sân bay. Vì lý do an toàn hàng không, an ninh hàng không, Cục Hàng không Việt Nam có thể chỉ định người cung cấp dịch vụ hàng không cho hãng hàng không trên cơ sở:

a) Khả năng đáp ứng của kết cấu hạ tầng;

b) Yêu cầu thực hiện các biện pháp an ninh hàng không đặc biệt.

4. Người sử dụng dịch vụ có quyền thực hiện đánh giá dịch vụ hàng không được cung cấp tại cảng hàng không, sân bay theo tiêu chuẩn áp dụng. Kết quả đánh giá theo tiêu chuẩn an toàn, an ninh hàng không phải được gửi cho Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không để kiểm tra, giám sát, xử lý theo quy định.

5. Việc cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay thực hiện theo tiêu chuẩn của ICAO, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng và quy định của Thông tư này.

6. Cầu hành khách được sử dụng cùng các dịch vụ kỹ thuật đồng bộ kèm theo tại cầu hành khách. Trong trường hợp có sự cố kỹ thuật đối với cầu hành khách, việc sử dụng dịch vụ kỹ thuật được thực hiện theo thỏa thuận giữa người sử dụng và đơn vị được phép cung ứng dịch vụ tại sân bay.

Điều 80. Cung cấp dịch vụ phi hàng không

1. Việc cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay được thực hiện trên nguyên tắc chống độc quyền.

2. Việc sử dụng mặt bằng tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không trong nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa phải tuân thủ theo tài liệu khai thác nhà ga.

3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phi hàng không có trách nhiệm thông báo với Cảng vụ hàng không các nội dung sau:

a) Tên tổ chức cá nhân; loại hình cung cấp dịch vụ, danh mục sản phẩm, hàng hóa; vị trí, mặt bằng cung cấp dịch vụ;

b) Hợp đồng hoặc văn bản của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nhà ga chấp nhận doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không.

4. Cảng vụ hàng không kiểm tra, giám sát việc tổ chức cung cấp dịch vụ phi hàng không; xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm trong việc cung cấp dịch vụ phi hàng không.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 81. Hiệu lực thi hành[27]

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2016 và thay thế Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao

---

[27] Điều 2 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

2. Bãi bỏ Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Bãi bỏ Điều 50 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay."

thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, Thông tư số 19/2011/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT, Điều 3 Thông tư số 38/2014/TT-BGTVT ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không tại Việt Nam.

Điều 82. Tổ chức thực hiện[28]

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 17/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2020

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

---

[28] Điều 3 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021 quy định như sau:

"**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGVTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay)

Số thứ tự	Tên các mẫu đơn, quyết định, biên bản, hợp đồng
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao đất/thuê đất tại cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 02	Quyết định giao đất
Mẫu số 03[29]	Quyết định cho thuê đất
Mẫu số 04	Biên bản giao đất trên thực địa
Mẫu số 05	Hợp đồng thuê đất
Mẫu số 06	Quyết định thu hồi đất
Mẫu số 07	Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 08	Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 09	Đơn đề nghị cấp, sửa đổi giấy chứng nhận, giấy phép
Mẫu số 10	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật
Mẫu số 11[30]	Quyết định gia hạn cho thuê đất
Mẫu số 12[31]	Tờ khai cấp, cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

[29] Mẫu này được thay thế theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[30] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021.

[31] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021

Số thứ tự	Tên các mẫu đơn, quyết định, biên bản, hợp đồng
Mẫu số 13[32]	Giấy phép kinh doanh cảng hàng không
Mẫu số 14[33]	Đơn đề nghị cấp/cấp lại/bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 15[34]	Báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch cảng hàng không, sân bay

[32] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021

[33] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021

[34] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 30/2020/TT-BGTVT ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2021

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm....

ĐƠN[1]....

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền[2]……..

1. Tổ chức, cá nhân xin giao đất/thuê đất[3].....

2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....

3. Địa chỉ liên hệ:.....

4. Địa điểm khu đất:.....

5. Diện tích (m^2):.....

6. Để sử dụng vào mục đích:[4].....

7. Thời hạn sử dụng:.....

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có).....

9. Hồ sơ gửi kèm:[5].....

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

---

[1] *Ghi rõ đơn đề nghị giao đất hoặc đề nghị thuê đất.*

[2] *Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất.*

[3] *Ghi rõ họ, tên tổ chức/cá nhân đề nghị giao đất, cho thuê đất kèm thông tin về cá nhân đối với trường hợp là cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); thông tin về tổ chức đối với trường hợp là tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).*

[4] *Ghi rõ mục đích sử dụng đất theo văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.*

[5] *Ghi rõ thành phần hồ sơ gửi kèm theo yêu cầu của Thông tư này.*

Mẫu số 02

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN...** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số:……/QĐ-CVM...	*……, ngày…. tháng…. năm…..*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc……..

CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN....

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số……./2016/TT-BGVTVT ngày….. tháng…… năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Xét đề nghị của Phòng ……..,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho... *(ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân được giao đất)* ...m^2 đất tại Cảng hàng không, sân bay……, xã/phường/thị trấn….., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương... để sử dụng vào mục đích....

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số tỷ lệ... do... lập ngày... tháng... năm... và đã được.... thẩm định.

Hình thức giao đất: Không thu tiền sử dụng đất

Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất: Không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 2. Giao……. tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa cho tổ chức, cá nhân được giao đất.

2. Chỉnh lý bản đồ địa chính cảng hàng không, sân bay……. và chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ quản lý đất tại cảng hàng không, sân bay....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng phòng... và tổ chức, cá nhân được giao đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 03

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…/QĐ-CVM...	*……, ngày… tháng… năm…*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc……..

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN....

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Thông tư số……/2020/TT-BGVTVT ngày….. tháng..... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Xét đề nghị của *(ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn cho thuê đất)* ……

Xét đề nghị của Phòng ……..,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho... (*ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân được thuê đất*) thuê.... m^2 đất tại cảng hàng không/sân bay....., xã/phường/thị trấn…....…, huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương... để sử dụng vào mục đích....

Thời hạn thuê đất là……, kể từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số……., tỷ lệ... do……. lập ngày... tháng... năm... và đã được.... thẩm định.

Hình thức thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.

Giá cho thuê đất: được cơ quan có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Những hạn chế về quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng đất: không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 2. Giao…… có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa.

2. Thông báo cho tổ chức, cá nhân thuê đất về việc phối hợp làm việc với cơ quan có thẩm quyền xác định giá thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành và ký hợp đồng thuê đất sau khi xác định được giá thuê đất.

3. Thực hiện các thủ tục chỉnh lý bản đồ địa chính cảng hàng không, sân bay……. và chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ quản lý đất tại cảng hàng không, sân bay.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng phòng…… và tổ chức, cá nhân được thuê đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO ĐẤT TRÊN THỰC ĐỊA

Thực hiện Quyết định số…… ngày.... tháng.... năm.... của Cảng vụ hàng không miền…… về việc giao đất/thuê đất, hôm nay ngày.... tháng.... năm……, tại……, thành phần gồm:

I. Bên giao đất/cho thuê đất - Đại diện Cảng vụ hàng không miền…:

.....

.....

II. Bên được nhận đất trên thực địa:

.....

III. Các bên tiến hành giao đất, cụ thể như sau:

1. Giao nhận thửa đất số……. tờ bản đồ số……. tại……. cho *(tên tổ chức/cá nhân sử dụng đất)* để sử dụng vào mục đích.....

2. Giao nhận đất theo các mốc giới, ranh giới thửa đất, diện tích…..m^2 trên thực địa xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số...., tỷ lệ... do…… lập ngày... tháng... năm.... và đã được... thẩm định, gồm:.....;

.....

3. Biên bản lập hồi.... giờ... phút cùng ngày, đã đọc cho các bên tham dự cùng nghe, nhất trí thông qua ký tên dưới đây.

Biên bản này lập thành... bản có giá trị như nhau, gửi……/.

BÊN GIAO ĐẤT	**BÊN NHẬN ĐẤT**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu - nếu có)*

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……., ngày..... tháng….. năm....

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số……../2016/TT-BGVTVT ngày…… tháng…… năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số…… ngày... tháng... năm... của Cảng vụ hàng không miền…… về việc cho thuê đất…….

Căn cứ văn bản số…….. ngày... tháng... năm.... của.... *(ghi rõ cơ quan ban hành đơn giá thuê đất)* về việc xác định đơn giá cho thuê đất;

Căn cứ biên bản giao đất trên thực địa.....;

Hôm nay, ngày... tháng... năm... tại……, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất:

.....

.....

II. Bên thuê đất là:.....

(Đối với cá nhân thì ghi tên cá nhân, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, số chứng minh nhân dân, tài khoản (nếu có); đối với tổ chức thì ghi tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, họ tên và chức vụ người đại diện, số tài khoản.....).

III. Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất... m^2 *(ghi rõ bằng số và bằng chữ, đơn vị là mét vuông)*

Tại... *(ghi tên cảng hàng không/sân bay, xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có đất cho thuê).*

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số….., tỷ lệ…… do……. lập ngày... tháng... năm... đã được... thẩm định.

3. Thời hạn thuê đất... *(ghi rõ số năm hoặc số tháng thuê đất bằng số và bằng chữ phù hợp với thời hạn thuê đất)*, kể từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

4. Mục đích sử dụng đất thuê:.....

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất là... đồng/m^2/năm, *(ghi bằng số và bằng chữ)*.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày... tháng... năm.....

3. Phương thức nộp tiền thuê đất:.....

4. Nơi nộp tiền thuê đất:.....

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp Bên thuê đất bị thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai và Thông tư này.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ được tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại theo Hợp đồng này nếu có nhu cầu, tuy nhiên phải thực hiện lại trình tự thủ tục đề nghị thuê đất theo quy định để xác định lại đối tượng thuê đất.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do quy hoạch cảng hàng không, sân bay có sự thay đổi và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bên thuê đất hoàn trả lại đất cho Cảng vụ hàng không và phối hợp với Cảng vụ hàng không, các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện phương án giải phóng mặt bằng tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê

đất biết trước ít nhất là 01 tháng. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các Bên (nếu có)[1]

.....

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định, của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Cam kết khác (nếu có)[2].....

.....

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến cơ quan thuế, kho bạc nhà nước nơi thu tiền thuê đất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày...../.

BÊN THUÊ ĐẤT	**BÊN CHO THUÊ ĐẤT**
(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu (nếu có)	*(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)*

---

[1] *Phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan*

[2] *Phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan*

Mẫu số 06

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN…** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số:……/QĐ-CVM...	*……, ngày…. tháng…. năm…..*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất[1]……..

CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN...

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số……./2016/TT-BGVTVT ngày…… tháng…… năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Xét đề nghị của Phòng……. tại Tờ trình số……. ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi... m^2 đất của... (ghi tên tổ chức/cá nhân có đất bị thu hồi), thuộc thửa đất số... (một phần hoặc toàn bộ thửa đất), thuộc tờ bản đồ số... tại Cảng hàng không/sân bay…….., xã/phường/thị trấn……, huyện/thành phố thuộc tỉnh……, tỉnh/thành phố…….

Lý do thu hồi đất:……[2]

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Văn phòng/Phòng.... có trách nhiệm giao quyết định này cho tổ chức/cá nhân...[3]

2. Văn phòng Cảng vụ hàng không miền.... có trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Cảng vụ hàng không miền.... .

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày….. tháng…… năm…….

2. Tổ chức/cá nhân bị thu hồi đất có tên tại Điều 2 nêu trên và các ông/bà Chánh Văn phòng, Trưởng phòng…… chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

---

[1] *Ghi rõ mục đích thu hồi đất.... (theo Điều 64, 65 của Luật Đất đai)*

[2] *Ghi rõ lý do thu hồi đất như (1)*

[3] *Trường hợp tổ chức/cá nhân ... không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại trụ sở Cảng vụ hàng không miền....*

Mẫu số 07

<table>
<tr><td>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Số: /GCNĐK-CHK</td><td colspan="3">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------</td></tr>
<tr><td colspan="4">GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY</td></tr>
<tr><td>TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
.....
.....</td><td>TỌA ĐỘ
□ Vĩ độ
□ Kinh độ</td><td colspan="2">THỜI ĐIỂM ĐĂNG KÝ
□ Đang xây dựng
□ Đã hoàn thành xây dựng</td></tr>
<tr><td colspan="4">TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI ĐĂNG KÝ:
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">TIÊU CHUẨN, NĂNG LỰC KHAI THÁC:
.....
CẤP SÂN BAY:.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">GHI CHÚ:
.....</td></tr>
<tr><td colspan="2">Ngày, tháng, năm đăng ký vào Sổ:
...../……./…….
Ngày, tháng, năm cấp:
...../……./…….</td><td colspan="2">CỤC TRƯỞNG</td></tr>
</table>

Mẫu số 08

<table>
<tr><td>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Số: /GCNKT-CHK</td><td colspan="3">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------</td></tr>
<tr><td colspan="4">GIẤY CHỨNG NHẬN
KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
Cấp lần đầu:……..
Cấp lần thứ hai:…….</td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY
.....
.....</td><td colspan="2">TỌA ĐỘ</td></tr>
<tr><td>Vĩ độ.....</td><td>Kinh độ…….</td></tr>
<tr><td colspan="4">TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY:
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">NĂNG LỰC KHAI THÁC:
.....
CẤP SÂN BAY:.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:
.....</td></tr>
<tr><td colspan="4">GHI CHÚ:
.....</td></tr>
<tr><td colspan="2">Ngày, tháng, năm cấp:
...../……./…….
Ngày, tháng, năm hết hiệu lực:
...../……./…….</td><td colspan="2">CỤC TRƯỞNG</td></tr>
</table>

Mẫu số 09

TÊN DOANH NGHIỆP **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số:…….. V/v đề nghị cấp....	*……, ngày…. tháng…. năm…..*

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ……

Căn cứ……

Công ty…… đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấp chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay....) tại cảng hàng không (sân bay)……..

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị[1]: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

---

[1] *Ghi chú:*

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

Mẫu số 10

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT

Số:

Căn cứ quy định tại Thông tư số…….. của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam chứng nhận sản phẩm dưới đây sản xuất tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện kỹ thuật đưa vào khai thác tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam.

Tổ chức đề nghị cấp giấy chứng nhận	
Nhà sản xuất	
Sản phẩm	
Mã hiệu sản phẩm	
Bộ hồ sơ sản phẩm gồm có: Hồ sơ thiết kế Hồ sơ kiểm tra thử nghiệm Hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng Đặc tính kỹ thuật chi tiết	
Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	
Ngày ban hành	

Giấy chứng nhận này không có giá trị đối với các sản phẩm:

- Được sản xuất khác với hồ sơ thiết kế được phê duyệt.
- Không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng./.

Nơi nhận: **GIÁM ĐỐC**

Mẫu số 11

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM **CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN…**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…/QĐ-CVM...	*……, ngày… tháng… năm…*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc……..

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HÀNG KHÔNG MIỀN....

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Thông tư số……/2020/TT-BGVTVT ngày….. tháng..... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số……../QĐ-CVM…. ngày…. tháng…. năm của Cảng vụ hàng không miền……..về việc cho……. *(ghi tên tổ chức, cá nhân được cho thuê đất)* thuê đất;

Xét đề nghị của *(ghi tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn cho thuê đất)*.....

Xét đề nghị của Phòng……,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho... *(ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân được gia hạn thuê đất)* được tiếp tục thuê.... m^2 đất tại cảng hàng không/sân bay..., xã/phường/thị trấn….., huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh..., tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương... để sử dụng vào mục đích....

Thời hạn thuê đất là....., kể từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính (hoặc tờ trích đo địa chính) số……, tỷ lệ... do……. lập ngày... tháng... năm... và đã được Cảng vụ hàng không miền……chấp thuận tại Quyết định cho thuê đất số…..

Hình thức thuê đất: trả tiền thuê đất hàng năm.

Giá cho thuê đất: được cơ quan có thẩm quyền xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Những hạn chế về quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng đất: Không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê quyền sử dụng đất, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 2. Giao…….. có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân được gia hạn thuê đất về việc phối hợp làm việc với cơ quan có thẩm quyền xác định giá thuê đất theo quy định của pháp luật hiện hành và ký hợp đồng thuê đất sau khi xác định được giá thuê đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông/bà Trưởng phòng……. và tổ chức, cá nhân được gia hạn thuê đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 12

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	*...., ngày... tháng... năm...*

TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ.....

Căn cứ.....

Công ty…… đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Mã số doanh nghiệp:

3. Địa chỉ trụ sở chính:

4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân (hoặc thẻ căn cước), nơi cấp, ngày cấp).

7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

8. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- .....;
- ..... .

Mẫu số 13

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số:...../GPKDCHK-CHK	

GIẤY PHÉP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

Cấp lần đầu:.....

Cấp lần thứ hai:.....

Cấp lần thứ ba:.....

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG:

.....

.....

SỐ, NGÀY CẤP, NƠI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CỦA DOANH NGHIỆP KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG

.....

.....

GHI CHÚ:

.....

Ngày, tháng, năm cấp:<br...../...../.....	**CỤC TRƯỞNG**

Mẫu số 14

TÊN CƠ QUAN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…….	*...., ngày... tháng... năm....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp/Cấp lại/Bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

1. Tên đầy đủ của tổ chức: theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế:…….

2. Địa chỉ trụ sở chính:……..……

3. Thông tin liên hệ: (tên người có trách nhiệm, điện thoại, địa chỉ email)

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại/bổ sung năng định Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay cho (số lượng:.....) nhân viên của Công ty *(có danh sách và hồ sơ nhân viên kèm theo thể hiện các thông tin của nhân viên gồm họ và tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước, các chứng chỉ chuyên môn đã được cấp, số giấy phép nhân viên hàng không đã được cấp).*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 15

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…/BC- ...[2]	*...[3]...., ngày... tháng... năm....*

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Năm...

Kính gửi:....[4]

I. Tình hình thực hiện quy hoạch tại cảng hàng không, sân bay

1. Tình hình triển khai quy hoạch đã được phê duyệt của các cơ quan, đơn vị có liên quan

2. Kết quả đạt được

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

II. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận: - .....[5]; - ……; - Lưu:...[6]...[7].	**CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/ chữ ký số của cơ quan, đơn vị)* **Họ và tên**

**** Ghi chú:***

[1] Tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[2] Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị báo cáo;

[3] Địa danh hành chính và ngày, tháng, năm cơ quan, đơn vị ban hành báo cáo;

[4] Cơ quan nhận báo cáo;

[5] Nơi nhận báo cáo;

[6] Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu;

[7] Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng